CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐỊNH AN
Add: Tầng 9&10 Tòa nhà Hudland Tower, số 6 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Tel : 024 7309 0866

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐỊNH AN



HÀ NỘI, NĂM 2021

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu chung

2. Thông tin về doanh nghiệp

3. Mục tiêu phát triển

PHẦN II: HỒ SƠ PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận ĐKKD; Năng lực hoạt động xây dựng

2. Sơ đồ tổ chức

PHẦN III: NĂNG LỰC CÔNG TY

1. Năng lực nhân sự và máy móc thiết bị

2. Năng lực kinh nghiệm – Danh sách các dự án tiêu biểu

3. Hình ảnh thi công các dự án tiêu biểu

4. Hình ảnh một số máy móc và trang thiết bị chính

PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG

1. LỜI GIỚI THIỆU

Công ty TNHH Tập đoàn Định An là Công ty được hình thành trong thời kỳ đất nước đang trên đà phát triển và đổi mới, xây dựng là một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Chính phủ nói chung và thành phố Lào Cai nói riêng, nhằm đóng góp cho đất nước những công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm điện, giao thông thuỷ lợi..vv Công ty TNHH Tập đoàn Định An là một trong những doanh nghiệp được thành lập nhằm góp phần vào sự nghiệp phát triển và đổi mới của xã hội.

Trong suốt quá trình thành lập và phát triển, đến nay Công ty TNHH Tập đoàn Định An đã vươn lên trở thành một Công ty có uy tín, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường xây dựng. Đã tham gia thi công nhiều loại hình công trình, trong đó có 1 một số công trình trọng điểm quốc gia và các công trình xây dựng trên địa bàn Hà Nội và một số tỉnh lân cận. Các công trình do Công ty thi công đều đạt chất lượng tốt, đáp ứng được mọi yêu cầu kỹ mỹ thuật, được các chủ đầu tư đánh giá cao.

Với bộ máy lãnh đạo tổ chức điều hành gọn nhẹ, năng động, phù hợp với cơ chế thị trường. Đội ngũ cán bộ kỹ sư giàu kinh nghiệm, công nhân kỹ thuật lành nghề, thiết bị công nghệ thi công đồng bộ, Công ty TNHH Tập đoàn Định An khẳng định: hoàn toàn có thể đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng về chất lượng và tiến độ các công trình lớn nhỏ với giá thành hợp lý nhất.

Công ty TNHH Tập đoàn Định An mong muốn là địa chỉ tin cậy của khách hàng. Đến với Công ty chúng tôi khách hàng sẽ gặp được người bạn và đối tác chân thành, có được những công trình đạt chất lượng tốt, bền vững, với giá cả hợp lý và giá trị thẩm mỹ cao.

2. THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐỊNH AN**

(DINH AN CO., LTD)

2.1. Địa chỉ trụ sở chính:

- Tầng 09&10 Tòa nhà Hudland đường Nguyễn Hữu Thọ - P. Đại Kim – Hoàng Mai – Hà Nội
- Tel : 024 7309 0866 Fax:

- Tài khoản: 1122100088855555 Tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Thành

2.2. Địa chỉ văn phòng chi nhánh:

- Tầng 16 Tòa nhà The Tresor, số 39 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

- Tel : Fax:

2.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Đăng ký kinh doanh số: 5300249607 cấp ngày 30/06/2022 (Thay đổi lần 6)

- Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 11/02/2022

- Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Cao Đăng Hoạt**

2.4. Vốn điều lệ: 818.000.000.000

Bằng chữ: ***Tám trăm mười tám tỷ đồng***

2.5. Các ngành nghề kinh doanh chính:

- Xây dựng công trình công ích:

  Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, san gạt mặt bằng, công trình điện năng có cấp điện áp đến 35kV, hạ tầng đô thị

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác:

  Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

  Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, thiết bị chiếu sáng đô thị

- Xây dựng nhà các loại

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại

  Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cơ khí

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

  Chi tiết: Mua bán đá, cát, sỏi, đất sét, cao lanh

- Chuẩn bị mặt bằng

  Chi tiết: Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống

  Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông, lâm sản, hoa quả, lương thực, thực phẩm

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

  Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm nhựa, cao su

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại

  Chi tiết: Khai thác, chế biến, Kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản, các loại quặng kim loại, mika

- Bảo dưỡng, sữa chữa ô tô và xe có động cơ khác

  Chi tiết: Mua bán, bảo dưỡng, sữa chữa xe có động cơ, mô tô xe máy, phụ tùng xe có động cơ, máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế

- Vận tải hành khách bằng taxi

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

  Chi tiết: Kinh doanh khách sạn

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

- Lắp đặt hệ thống điện

  Chi tiết: Lắp đặt, thay thế, sữa chữa hệ thống điện cao thế, điện công trình, điện cao áp, điện chiếu sáng đô thị

- Kinh doanh xuất nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, sản xuất kinh doanh đồ gốm, sứ và sinh vật cảnh, trồng các loại cây xanh, cây cảnh, cây đô thị (Doanh nghiệp được kinh doanh nghề khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)

3. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Định An Group Co., LTD đang hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình giao thông thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, đầu tư dự án, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp… là thị trường đầy tiềm năng trong xu thế chung của nền kinh tế trong những năm gần đây và các năm tiếp theo, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ, công

nhân viên trong công ty phấn đấu xây dựng Định An Group Co., LTD trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về lĩnh vực thi công, đầu tư dự án, bất động sản, tài chính.

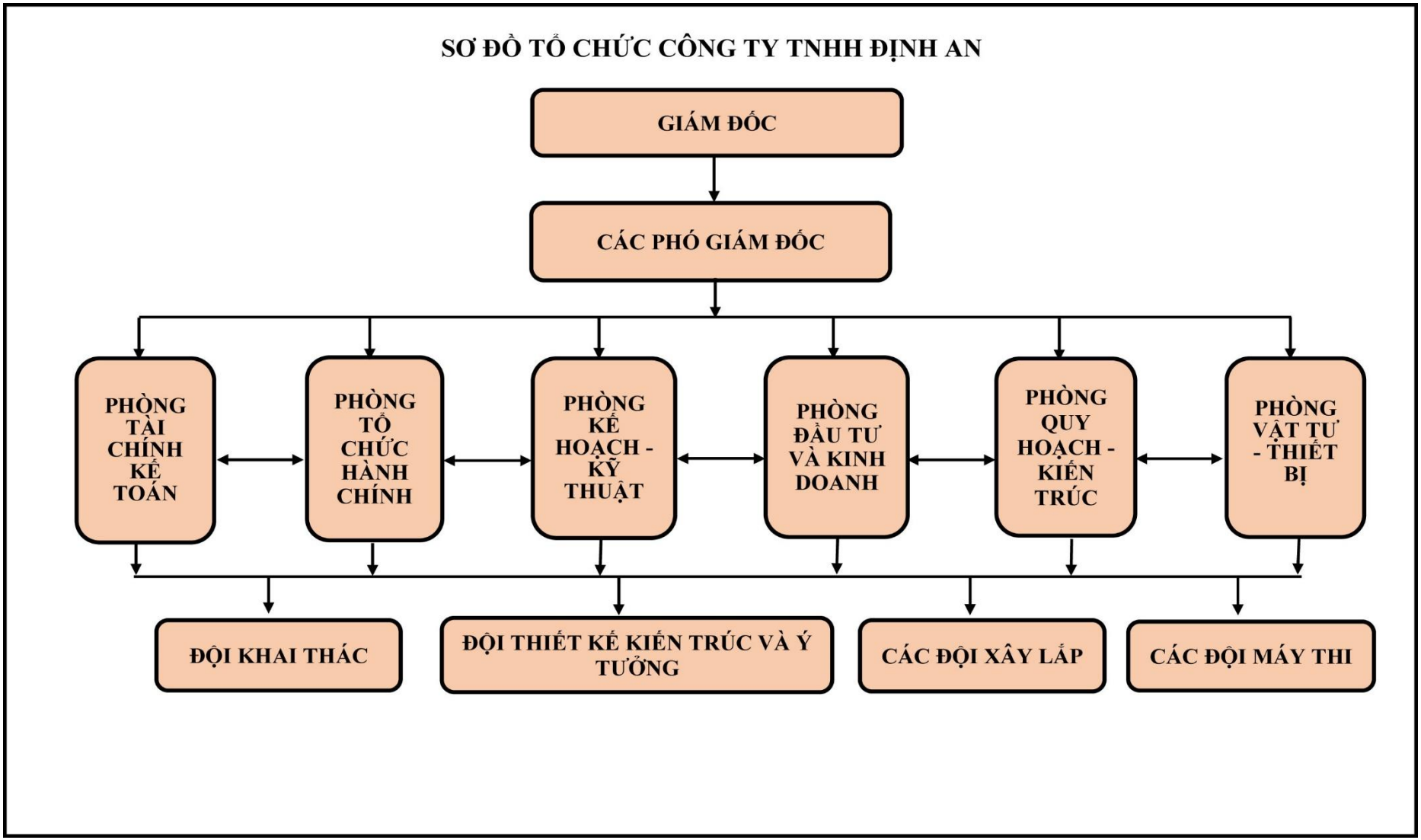
Để đa dạng hóa các sản phẩm của mình Định An Group Co., LTD tập trung đào tạo nguồn nhân lực, trang thiết bị máy móc, nguồn vốn vào các dự án trong tương lai, không ngừng đổi mới doanh nghiệp, tăng cường vào các lĩnh vực trọng điểm của nền kinh tế, đón đầu các thành tựu khoa học công nghệ, khoa học quản lý hiện đại và tiên tiến của thời đại.

Nguồn nhân lực: Trong quá trình hình thành và phát triển, Định An Group Co., LTD có đội ngũ nguồn nhân lực dồi dào, đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong công ty là những Thạc sỹ, Kỹ sư, Cử nhân…… giàu kinh nghiệm, có trình độ cao đã tham gia nhiều công trình lớn, hiện đại trên cả nước ở mọi lĩnh vực, với trác nhiệm cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp và tinh thần đoàn kết, Định An Group Co., LTD luôn tự hào và vững tin vào sự thành công vượt trội trong những dự án hiện tại và trong tương lai.

Mục tiêu: Với phương châm đa dạng hóa ngành nghề, sản phẩm làm ra luôn đảm bảo **“Chất lượng, tiến độ, hiệu quả”** đem lại sự hài lòng và đánh giá cao từ phía các nhà đầu tư cũng như khách hàng.

Mặc dù là doanh nghiệp trẻ, nhưng Định An Group Co., LTD luôn có những định hướng, tiêu chí làm cơ sở, nền tảng cho một tập đoàn đa ngành, đa lĩnh vực: Đầu tư kinh doanh bất động sản, Đầu tư tài chính, Đầu tư các khu đô thị trọng điểm, sản xuất, khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng.

PHẦN II
HỒ SƠ PHÁP LÝ


SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
GIÁM ĐỐC
CÁC PHÓ GIÁM ĐỐC
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
PHÒNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH
PHÒNG QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC
PHÒNG VẬT TƯ - THIẾT BỊ
ĐỘI KHAI THÁC
ĐỘI THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ Ý TƯỞNG
CÁC ĐỘI XÂY LẮP
CÁC ĐỘI MÁY THI

THUYẾT MINH SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

1. Giám đốc

Là người đại diện theo pháp luật của công ty, thực hiện điều hành toàn bộ các hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các Phòng, Ban trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết.

Đại diện cho công ty thực hiện tất các các giao dịch tài chính, ký kết hợp đồng kinh tế, giao dịch với các đối tác đầu tư,...

2. Các Phó Giám đốc

Là người giúp cho Giám đốc điều hành hoạt động của công ty theo các chức năng và nhiệm vụ được phân công tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

Đại diện cho công ty thực hiện các giao dịch trong quá trình Giám đốc đi vắng theo sự ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về điều hành, quản lý lĩnh vực được giao.

Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết trình Giám đốc phê duyệt.

3. Phòng Tài chính Kế toán

Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất;

Giúp Lãnh đạo Công ty trong việc chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty;

Giúp Lãnh đạo công ty kiểm soát đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty;

Kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Công ty;

Tổ chức hạch toán kinh tế toàn Công ty;

Tham mưu cho Lãnh đạo công ty về công tác thu chi tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, đầu tư nâng cấp dây chuyền thi công hiện đại và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước;

4. Phòng Tổ chức Hành chính

Phòng tổ chức hành chính có chức năng tham mưu giúp Ban Giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác tuyển dụng và lao động, công tác thực hiện Bộ luật lao động; đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, công tác pháp chế, thanh tra, kiểm tra, công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác bảo vệ, quân sự, phòng cháy chữa cháy, thi đua khen thưởng, vệ sinh môi trường, phòng chống bão lụt và công tác quản trị hành chính trong Công ty.

5. Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

Giúp việc và tham mưu cho Ban Giám đốc về hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn phục vụ cho hoạt động của công ty hiệu quả.

Trực tiếp triển khai các công tác sau:

+ Công tác hợp đồng;

+ Công tác lập Dự toán, thẩm định hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán công trình;

+ Công tác lập định mức đơn giá mới;

+ Công tác lập hồ sơ dự thầu các công trình; Công tác đấu thầu, giao thầu nội bộ;

+ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ năng lực và hồ sơ đề xuất của thầu phụ;

+ Theo dõi đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các hợp đồng, báo cáo đề xuất xử lý.

6. Phòng Đầu tư và Kinh doanh

Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý về thủ tục đầu tư, các thủ tục xuất nhập khẩu, mua bán và kinh doanh trong lĩnh vực bất

động sản và các lĩnh vực khác của Công ty với tư cách chủ quản đầu tư theo đúng quy định của Pháp luật.

Trực tiếp tham mưu về các lĩnh vực: nghiên cứu và phát triển các dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; khu đô thị mới; khu công nghiệp và phụ trợ; công trình hạ tầng; công trình công nghiệp, dân dụng….

Nghiên cứu, đề xuất, phương hướng, chiến lược, dự án đầu tư phù hợp với nguồn lực Công ty trong từng giai đoạn phát triển, các kế hoạch dài hạn.

Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Thực hiện Quy chế hoạt động như Sàn giao dịch bất động sản (Khi công ty cần khai thác sản phẩm về bất động sản)

7. Phòng Quy hoạch – Kiến trúc

Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc thực hiện các thủ tục về quy hoạch và đầu tư các dự án theo đúng quy định của Pháp luật.

Nghiên cứu phương án kiến trúc, ý tưởng quy hoạch các dự án, trình Ban Giám đốc quyết định phê duyệt.

Là đầu mối làm việc với các đơn vị Tư vấn để thực hiện thiết kế, thẩm định các quy hoạch, kiến trúc thiết kế.

Quản lý việc tuân thủ về quy hoạch, kiến trúc trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

8. Phòng Vật tư thiết bị

Tham mưu cho Ban Giám đốc quản lý toàn bộ thiết bị và vật tư của Công ty.

Chỉ đạo các đơn vị có biện pháp tốt nhất trong mua sắm và quản lý vật tư của các công trình, dự án, đảm bảo tính pháp lý trong mua bán vật tư.

Tìm mọi cách để duy trì, giữ gìn thiết bị hiện có, mua sắm thiết bị mới, phù hợp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

9. Các đội: khai thác kinh doanh, thiết kế kiến trúc và ý tưởng, xây lắp, máy thi công.

Tham mưu, tư vấn và tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất, thi công các công trình và dịch vụ. Tổ chức thực hiện sản xuất, thi công các công trình theo kế hoạch do Ban

Tổng Giám đốc giao. Quản lý con người, máy móc thiết bị trong phạm vi của Đội. Bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho CBCNV. Nghiên cứu nâng cao năng suất lao động, cải tiến chất lượng. Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường và trách nhiệm xã hội tại Công ty.

PHẦN III
NĂNG LỰC CÔNG TY

1. NĂNG LỰC NHÂN SỰ VÀ MÁY MÓC THIẾT BỊ

1.1. Năng lực nhân sự

Công ty TNHH Tập đoàn Định An coi công tác nhân sự là một trong những yếu tố tiên quyết, quan trong để phát triển, vì vậy đội ngũ nhân sự của công ty luôn được chú trọng về chất lượng với số lượng phù hợp, thường xuyên được tham gia các khóa học nâng cao về kỹ thuật, quản lý, kiểm soát chất lượng.

DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT CÔNG TY

STT	Chức danh	Trình độ chuyên môn
1	Chủ tịch hội đồng quản trị	Th.s Kinh tế
2	Giám đốc	Th.s Kinh tế
3	Phó giám đốc	Th.s Kỹ thuật
4	Phó giám đốc	Th.s Kỹ thuật
5	Phó giám đốc	Th.s Kinh tế
6	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế
7	Trưởng phòng kế hoạch	Kỹ sư KTXD
8	Trưởng phòng kĩ thuật	Kỹ sư XD Cầu đường
9	Phòng tổ chức – hành chính	Trung cấp kế toán
10	Đội trưởng	Kỹ sư Cầu đường, kĩ sư xây dựng công trình thủy, kĩ sư xây dựng dân dụng

1.1.1. Cơ cấu tổ chức:

- Ban lãnh đạo gồm 05 người : Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc và 03 phó giám đốc
- Phòng Tài chính – Kế toán
- Phòng Kỹ Thuật
- Phòng Tổ chức – Hành chính
- Phòng Kế Hoạch
- 04 Đội thi công

1.1.2. Nhân sự:

Tổng nhân sự hiện có: 255 người

- Trình độ trên đại học: 5 người
- Trình độ đại học: 50 người
- Trình độ cao đẳng, trung cấp: 35 người
- Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông: 165 người

Trong đó:

- Công nhân 5/7 : 20 người
- Công nhân 4/7 : 15 người
- Công nhân 3/7 : 70 người
- Công nhân phổ thông : 60 người

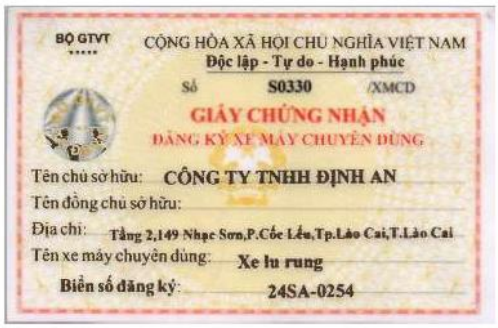
1.2. Năng lực máy móc thiết bị phục vị sản xuất.

BẢNG KÊ DANH MỤC THIẾT BỊ THI CÔNG CHÍNH

Tên máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Số lượng	Sở hữu
Xe S500	Đức	01	Công ty
Xe Land Cruiser V8	Nhật Bản	01	Công ty
Xe Innova	Việt Nam	05	Công ty
Xe Lexus 570	Nhật Bản	01	Công ty
Xe Nissan Terra 2021	Nhật Bản	02	Công ty
Xe bán tải Nissan Navara 2020	Nhật Bản	06	Công ty
Cẩu bánh xích KH125	Nhật Bản	02	Công ty
Cẩu bánh xích KH180	Nhật Bản	02	Công ty
Máy phát điện	Nhật Bản	02	Công ty
Cẩu bánh lốp Todano	Nhật Bản	02	Công ty
Vận thăng	Hàn Quốc	02	Công ty

Máy khoan đập JK8	Trung Quốc	05	Công ty
Máy bơm tuần hoàn	Trung Quốc	05	Công ty
Trạm sản xuất bê tông tươi	Việt Nam	02	Công ty
Máy trộn BT	Việt Nam	05	Công ty
Kích căng kéo	Trung Quốc	02	Công ty
Máy uốn thép	Trung Quốc	03	Công ty
Kích 50T	Trung Quốc	02	Công ty
Kích 1-5tấn	Trung Quốc	08	Công ty
Máy cắt thép	Trung Quốc	10	Công ty
Máy bơm nước Honda	Việt Nam	02	Công ty
Máy đào bánh xích CATERPILLAR	Nhật Bản	10	Công ty
Máy đào bánh xích KOMATSU	Nhật Bản	20	Công ty
Máy ủi KOMATSU	Nhật Bản	10	Công ty
Xe lu rung SAKAI	Indonesia	15	Công ty
Xe lu rung HAMM	Đức	10	Công ty
Xe lu rung BOMAG	Đức	16	Công ty
Xe lu tĩnh bánh thép SAKAI R2S	Nhật Bản	06	Công ty
Ô tô Huyn Đai tự đổ 15 T	Hàn Quốc	20	Công ty
Ô tô HOWO 25 T	Trung Quốc	25	Công ty
Xe cẩu tự hành	Trung Quốc	05	Công ty
Cẩu KATO	Nhật Bản	02	Công ty
Máy thuỷ bình NIKON	Nhật Bản	08	Công ty
Máy toàn đạc NIKON	Nhật Bản	03	Công ty
Máy bơm vữa	Trung Quốc	01	Công ty
Máy khoấy vữa	Việt Nam	01	Công ty

Máy bơm chìm	Việt Nam	05	Công ty
Máy bơm nước	Việt Nam, Trung Quốc	10	Công ty
Máy hàn	Trung Quốc, Việt Nam	12	Công ty
Ván khuôn thép		1000m2	Công ty
Thép hộp đà giáo	Việt Nam	1000m	Công ty
Thép hình thi công		200T	Công ty
Đà giáo thi công	Việt Nam	200T	Công ty
Máy đầm dùi	Trung Quốc	20	Công ty
Máy mài	Nhật	10	Công ty
Máy bắn bê tông	Trung Quốc	05	Công ty
Xe máy phục vụ thi công	Việt Nam	03	Công ty

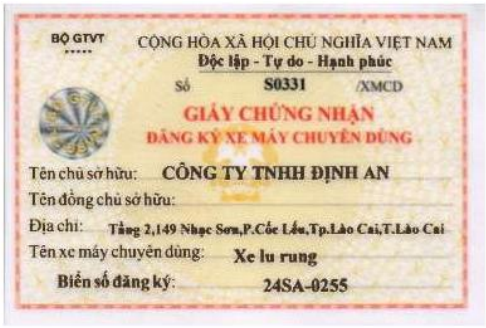


BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số S0330 /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: Tầng 2,149 Nhạc Sơn,P.Cốc Lếu,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Xe lu rung
Biển số đăng ký: 24SA-0254



BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số S0331 /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: Tầng 2,149 Nhạc Sơn,P.Cốc Lếu,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Xe lu rung
Biển số đăng ký: 24SA-0255



ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: BOMAG Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: ĐỨC
Số động cơ: 12335595 Số khung: 82441755
Công suất động cơ: 98 kW Trọng lượng: 11.920 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 5840 x 2250 x 2985 mm

Ngày 01 tháng 06 năm 2020
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)

- Đăng ký lần đầu: X
- Sang tên chủ sở hữu:
- Cấp lại đăng ký:
- Mất chứng từ gốc:

Nguyễn Văn Thạo



ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: BOMAG Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: ĐỨC
Số động cơ: 12335596 Số khung: 82441756
Công suất động cơ: 98 kW Trọng lượng: 11.920 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 5840 x 2250 x 2985 mm

Ngày 01 tháng 06 năm 2020
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)

- Đăng ký lần đầu: X
- Sang tên chủ sở hữu:
- Cấp lại đăng ký:
- Mất chứng từ gốc:

Nguyễn Văn Thạo

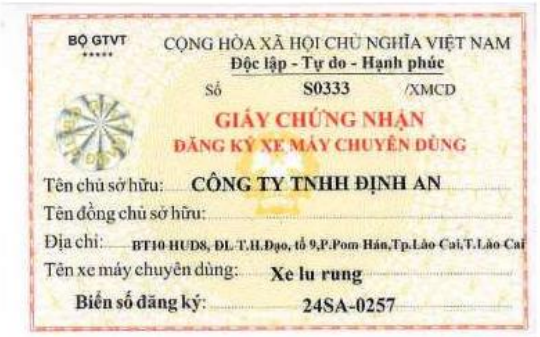


BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số S0332 /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: BT10 HUD8, ĐL T.H.Đạo, tổ 9,P.Pom Hán,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Xe lu rung
Biển số đăng ký: 24SA-0256

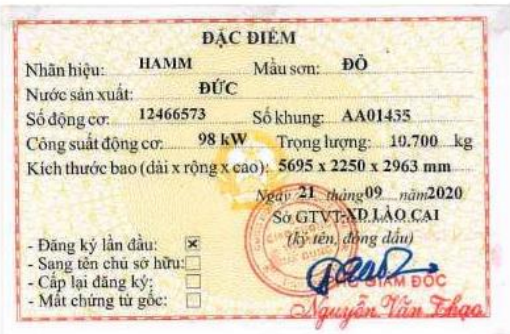


BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số S0333 /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: BT10 HUD8, ĐL T.H.Đạo, tổ 9,P.Pom Hán,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Xe lu rung
Biển số đăng ký: 24SA-0257



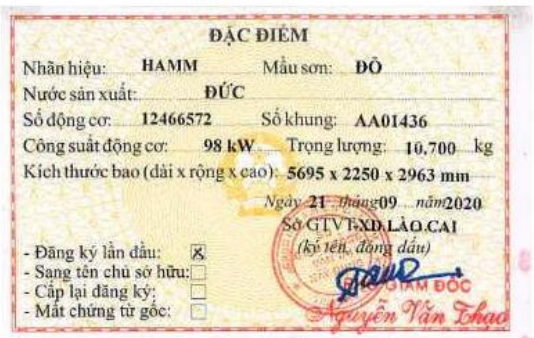
ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: HAMM Mầu sơn: ĐỎ
Nước sản xuất: ĐỨC
Số động cơ: 12466573 Số khung: AA01435
Công suất động cơ: 98 kW Trọng lượng: 10.700 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 5695 x 2250 x 2963 mm

Ngày 21 tháng 09 năm 2020
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)

- Đăng ký lần đầu: X
- Sang tên chủ sở hữu:
- Cấp lại đăng ký:
- Mất chứng từ gốc:

Nguyễn Văn Thạo



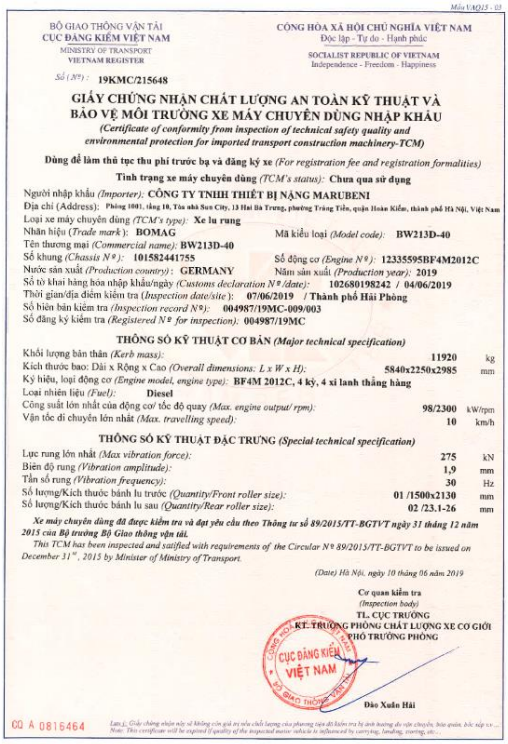
ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: HAMM Mầu sơn: ĐỎ
Nước sản xuất: ĐỨC
Số động cơ: 12466572 Số khung: AA01436
Công suất động cơ: 98 kW Trọng lượng: 10.700 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 5695 x 2250 x 2963 mm

Ngày 21 tháng 09 năm 2020
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)

- Đăng ký lần đầu: X
- Sang tên chủ sở hữu:
- Cấp lại đăng ký:
- Mất chứng từ gốc:

Nguyễn Văn Thạo



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*Nº*): 19KMC/215648

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Chưa qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NẶNG MARUBENI**
Địa chỉ (Address): Phòng 1001, tầng 10, Tòa nhà Sun City, 13 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Xe lu rung**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **BOMAG** Mã kiểu loại *(Model code)*: **BW213D-40**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **BW213D-40**
Số khung *(Chassis Nº)*: **101582441755** Số động cơ *(Engine Nº)*: **12335595BF4M2012C**
Nước sản xuất *(Production country)*: **GERMANY** Năm sản xuất *(Production year)*: **2019**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date)*: **102680198242 / 04/06/2019**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **07/06/2019 / Thành phố Hải Phòng**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº)*: **004987/19MC-009/003**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: **004987/19MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	11920	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	5840x2250x2985	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	BF4M 2012C, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	98/2300	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	10	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Lực rung lớn nhất *(Max vibration force)*:	275	kN
Biên độ rung *(Vibration amplitude)*:	1,9	mm
Tần số rung *(Vibration frequency)*:	30	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước *(Quantity/Front roller size)*:	01 /1500x2130	mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau *(Quantity/Rear roller size)*:	02 /23.1-26	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular Nº 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

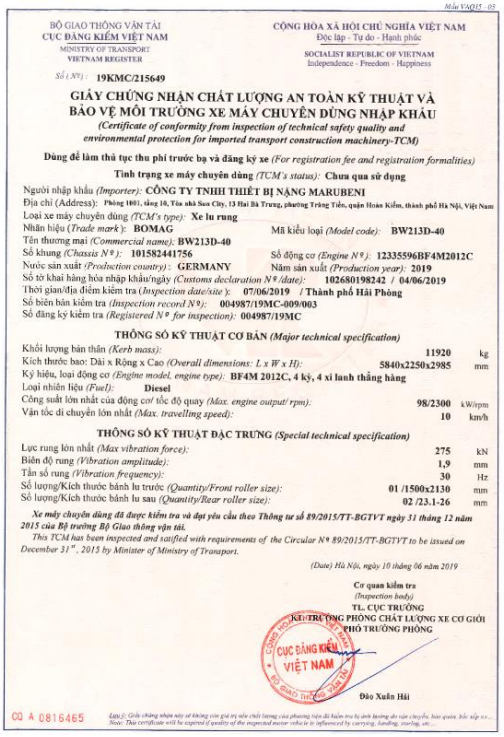
(Date) Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Đào Xuân Hải

CQ A 0816464

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*Nº*): 19KMC/215649

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Chưa qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NẶNG MARUBENI**
Địa chỉ (Address): Phòng 1001, tầng 10, Tòa nhà Sun City, 13 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Xe lu rung**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **BOMAG** Mã kiểu loại *(Model code)*: **BW213D-40**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **BW213D-40**
Số khung *(Chassis Nº)*: **101582441756** Số động cơ *(Engine Nº)*: **12335596BF4M2012C**
Nước sản xuất *(Production country)*: **GERMANY** Năm sản xuất *(Production year)*: **2019**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date)*: **102680198242 / 04/06/2019**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **07/06/2019 / Thành phố Hải Phòng**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº)*: **004987/19MC-009/003**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: **004987/19MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	11920	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	5840x2250x2985	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	BF4M 2012C, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	98/2300	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	10	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Lực rung lớn nhất *(Max vibration force)*:	275	kN
Biên độ rung *(Vibration amplitude)*:	1,9	mm
Tần số rung *(Vibration frequency)*:	30	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước *(Quantity/Front roller size)*:	01 /1500x2130	mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau *(Quantity/Rear roller size)*:	02 /23.1-26	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular Nº 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

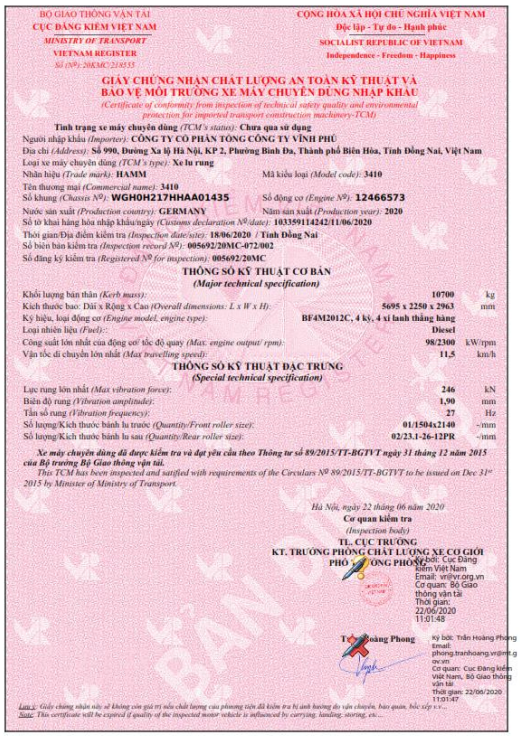
(Date) Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Đào Xuân Hải

CQ A 0816465

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER
Số (Nº): 20KMC/218355

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Chưa qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ**
Địa chỉ *(Address)*: **Số 990, Đường Xa lộ Hà Nội, KP 2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Xe lu rung**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **HAMM** Mã kiểu loại *(Model code)*: **3410**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **3410**
Số khung *(Chassis Nº)*: **WGH0H217EHAA01435** Số động cơ *(Engine Nº)*: **12466573**
Nước sản xuất *(Production country)*: **GERMANY** Năm sản xuất *(Production year)*: **2020**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date)*: **10335911424211/06/2020**
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **18/06/2020 / Tỉnh Đồng Nai**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº)*: **005692/20MC-072/002**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: **005692/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	10700	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	5695 x 2250 x 2963	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	BF4M2012C, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	98/2300	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max travelling speed)*:	11,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Lực rung lớn nhất *(Max vibration force)*:	246	kN
Biên độ rung *(Vibration amplitude)*:	1,90	mm
Tần số rung *(Vibration frequency)*:	27	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước *(Quantity/Front roller size)*:	01/1504x2140	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau *(Quantity/Rear roller size)*:	02/23.1-26-12PR	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circulars Nº 89/2015/TT-BGTVT to be issued on Dec 31st 2015 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

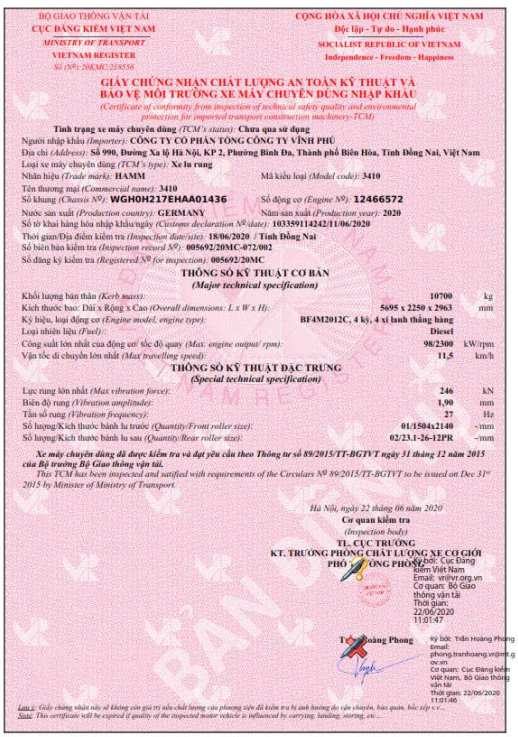
Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Ký bởi: Cục Đăng kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 22/06/2020 11:01:48

Trần Hoàng Phong

Ký bởi: Trần Hoàng Phong
Email: phong.tranhoang.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 22/06/2020 11:01:47

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER
Số (Nº): 20KMC/218356

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Chưa qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ**
Địa chỉ *(Address)*: **Số 990, Đường Xa lộ Hà Nội, KP 2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Xe lu rung**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **HAMM** Mã kiểu loại *(Model code)*: **3410**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **3410**
Số khung *(Chassis Nº)*: **WGH0H217EHAA01436** Số động cơ *(Engine Nº)*: **12466572**
Nước sản xuất *(Production country)*: **GERMANY** Năm sản xuất *(Production year)*: **2020**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date)*: **10335911424211/06/2020**
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **18/06/2020 / Tỉnh Đồng Nai**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº)*: **005692/20MC-072/002**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: **005692/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	10700	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	5695 x 2250 x 2963	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	BF4M2012C, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	98/2300	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max travelling speed)*:	11,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Lực rung lớn nhất *(Max vibration force)*:	246	kN
Biên độ rung *(Vibration amplitude)*:	1,90	mm
Tần số rung *(Vibration frequency)*:	27	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước *(Quantity/Front roller size)*:	01/1504x2140	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau *(Quantity/Rear roller size)*:	02/23.1-26-12PR	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circulars Nº 89/2015/TT-BGTVT to be issued on Dec 31st 2015 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Ký bởi: Cục Đăng kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 22/06/2020 11:01:47

Trần Hoàng Phong

Ký bởi: Trần Hoàng Phong
Email: phong.tranhoang.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 22/06/2020 11:01:46

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...



BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số X1314 /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: Tầng 2,149 Nhạc Sơn,P.Cốc Lếu,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích
Biển số đăng ký: 24XA-1130



BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số X1315 /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: Tầng 2,149 Nhạc Sơn,P.Cốc Lếu,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích
Biển số đăng ký: 24XA-1131

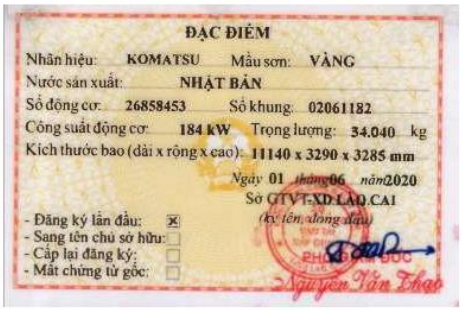


ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: KOMATSU Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: NHẬT BẢN
Số động cơ: 26867389 Số khung: 02063651
Công suất động cơ: 184 kW Trọng lượng: 32.600 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 11140 x 3190 x 3285 mm
Ngày 01 tháng 06 năm 2020
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)

- Đăng ký lần đầu: ☒
- Sang tên chủ sở hữu: ☐
- Cấp lại đăng ký: ☐
- Mất chứng từ gốc: ☐

Nguyễn Văn Thạo

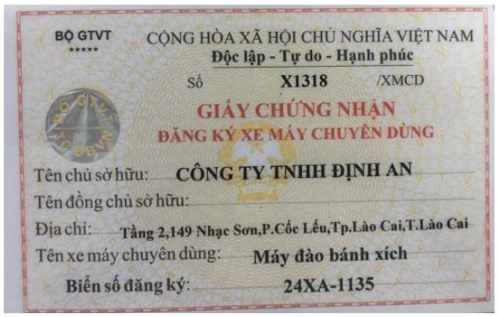


ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: KOMATSU Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: NHẬT BẢN
Số động cơ: 26858453 Số khung: 02061182
Công suất động cơ: 184 kW Trọng lượng: 34.040 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 11140 x 3290 x 3285 mm
Ngày 01 tháng 06 năm 2020
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)

- Đăng ký lần đầu: ☒
- Sang tên chủ sở hữu: ☐
- Cấp lại đăng ký: ☐
- Mất chứng từ gốc: ☐

Nguyễn Văn Thạo

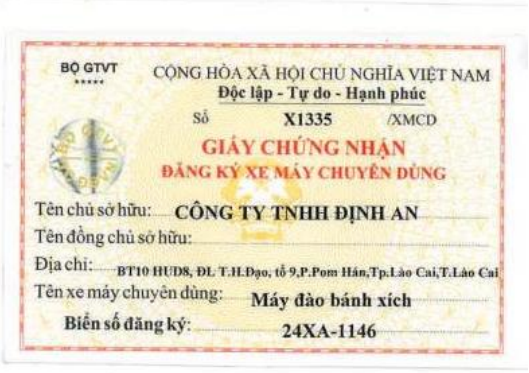


BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số X1318 /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: Tầng 2,149 Nhạc Sơn,P.Cốc Lếu,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích
Biển số đăng ký: 24XA-1135

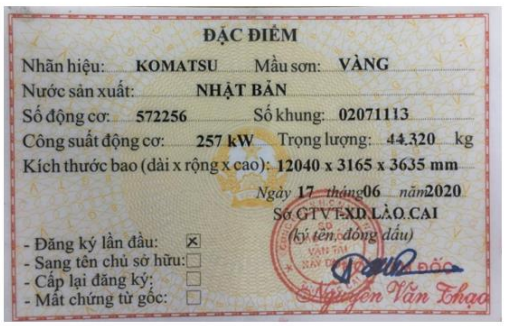


BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số X1335 /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: BT10 HUD8, ĐL T.H.Đạo, tổ 9,P.Pom Hán,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích
Biển số đăng ký: 24XA-1146

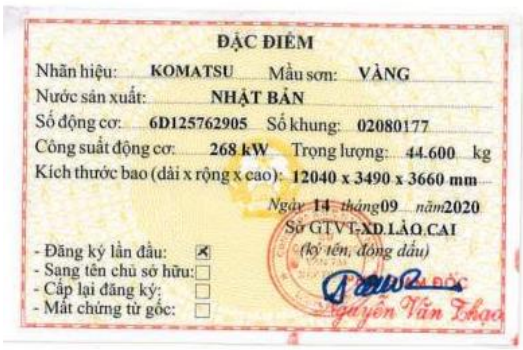


ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: KOMATSU Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: NHẬT BẢN
Số động cơ: 572256 Số khung: 02071113
Công suất động cơ: 257 kW Trọng lượng: 44.320 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 12040 x 3165 x 3635 mm
Ngày 17 tháng 06 năm 2020
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)

- Đăng ký lần đầu: ☒
- Sang tên chủ sở hữu: ☐
- Cấp lại đăng ký: ☐
- Mất chứng từ gốc: ☐

Nguyễn Văn Thạo

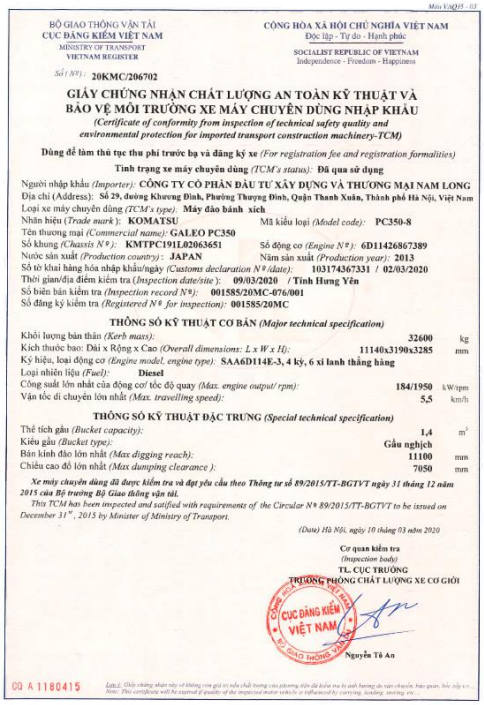


ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: KOMATSU Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: NHẬT BẢN
Số động cơ: 6D125762905 Số khung: 02080177
Công suất động cơ: 268 kW Trọng lượng: 44.600 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 12040 x 3490 x 3660 mm
Ngày 14 tháng 09 năm 2020
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)

- Đăng ký lần đầu: ☒
- Sang tên chủ sở hữu: ☐
- Cấp lại đăng ký: ☐
- Mất chứng từ gốc: ☐

Nguyễn Văn Thạo



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No*): **20KMC/206702**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM LONG**
Địa chỉ (Address): **Số 29, đường Khương Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Máy đào bánh xích**
Nhãn hiệu (*Trade mark*): **KOMATSU** Mã kiểu loại *(Model code)*: **PC350-8**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **GALEO PC350**
Số khung *(Chassis N°)*: **KMTPC191L02063651** Số động cơ *(Engine N°)*: **6D11426867389**
Nước sản xuất *(Production country)*: **JAPAN** Năm sản xuất *(Production year)*: **2013**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N° /date)*: **103174367331 / 02/03/2020**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **09/03/2020 / Tỉnh Hưng Yên**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: **001585/20MC-076/001**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: **001585/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	32600	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	11140x3190x3285	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	SAA6D114E-3, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	184/1950	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	5,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Thể tích gầu *(Bucket capacity)*:	1,4	m^3
Kiểu gầu *(Bucket type)*:	Gầu ngửa	
Bán kính đào lớn nhất *(Max digging reach)*:	11100	mm
Chiều cao đổ lớn nhất *(Max dumping clearance)*:	7050	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular N° 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

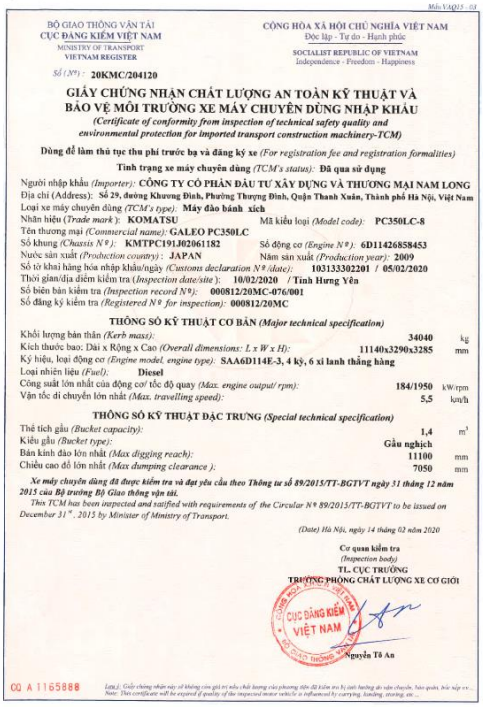
(Date) Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nguyễn Tô An

CQ A 1180415



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No*): **20KMC/204120**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM LONG**
Địa chỉ (Address): **Số 29, đường Khương Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Máy đào bánh xích**
Nhãn hiệu (*Trade mark*): **KOMATSU** Mã kiểu loại *(Model code)*: **PC350LC-8**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **GALEO PC350LC**
Số khung *(Chassis N°)*: **KMTPC191J02061182** Số động cơ *(Engine N°)*: **6D11426858453**
Nước sản xuất *(Production country)*: **JAPAN** Năm sản xuất *(Production year)*: **2009**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N° /date)*: **103133302201 / 05/02/2020**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **10/02/2020 / Tỉnh Hưng Yên**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: **000812/20MC-076/001**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: **000812/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	34040	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	11140x3290x3285	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	SAA6D114E-3, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	184/1950	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	5,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Thể tích gầu *(Bucket capacity)*:	1,4	m^3
Kiểu gầu *(Bucket type)*:	Gầu ngửa	
Bán kính đào lớn nhất *(Max digging reach)*:	11100	mm
Chiều cao đổ lớn nhất *(Max dumping clearance)*:	7050	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular N° 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

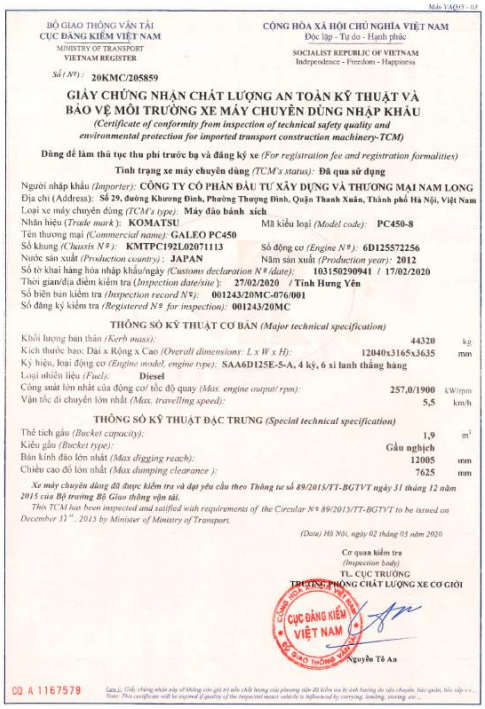
(Date) Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nguyễn Tô An

CQ A 1165888



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No*): **20KMC/205859**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM LONG**
Địa chỉ (Address): **Số 29, đường Khương Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Máy đào bánh xích**
Nhãn hiệu (*Trade mark*): **KOMATSU** Mã kiểu loại *(Model code)*: **PC450-8**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **GALEO PC450**
Số khung *(Chassis N°)*: **KMTPC192L02071113** Số động cơ *(Engine N°)*: **6D125572256**
Nước sản xuất *(Production country)*: **JAPAN** Năm sản xuất *(Production year)*: **2012**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N° /date)*: **103150290941 / 17/02/2020**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **27/02/2020 / Tỉnh Hưng Yên**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: **001243/20MC-076/001**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: **001243/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	44320	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	12040x3165x3635	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	SAA6D125E-5-A, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	257,0/1900	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	5,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Thể tích gầu *(Bucket capacity)*:	1,9	m^3
Kiểu gầu *(Bucket type)*:	Gầu ngửa	
Bán kính đào lớn nhất *(Max digging reach)*:	12005	mm
Chiều cao đổ lớn nhất *(Max dumping clearance)*:	7625	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular N° 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

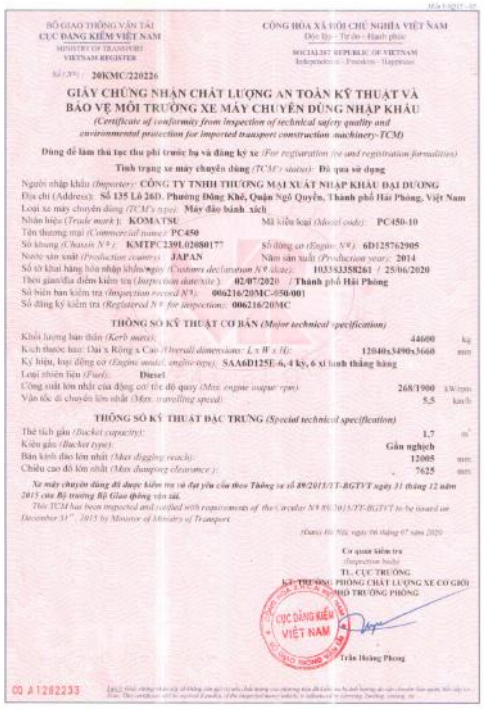
(Date) Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nguyễn Tô An

CQ A 1167579



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No*): **20KMC/220226**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI DƯƠNG**
Địa chỉ (Address): **Số 135 Lô 26D, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Máy đào bánh xích**
Nhãn hiệu (*Trade mark*): **KOMATSU** Mã kiểu loại *(Model code)*: **PC450-10**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **PC450**
Số khung *(Chassis N°)*: **KMTPC239L02080177** Số động cơ *(Engine N°)*: **6D125762905**
Nước sản xuất *(Production country)*: **JAPAN** Năm sản xuất *(Production year)*: **2014**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N° /date)*: **103533582263 / 25/06/2020**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **02/07/2020 / Thành phố Hải Phòng**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: **006216/20MC-050/001**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: **006216/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	44600	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	12040x3490x3660	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	SAA6D125E-6, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	268/1900	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	5,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Thể tích gầu *(Bucket capacity)*:	1,7	m^3
Kiểu gầu *(Bucket type)*:	Gầu ngửa	
Bán kính đào lớn nhất *(Max digging reach)*:	12005	mm
Chiều cao đổ lớn nhất *(Max dumping clearance)*:	7625	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular N° 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2020

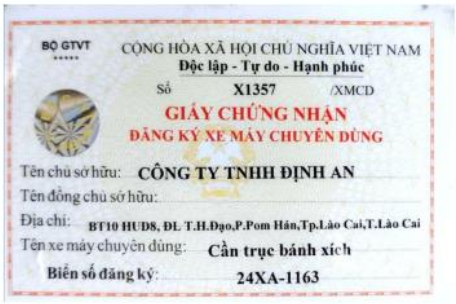
Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Trần Hoàng Phong

CQ A 1282233


BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số X1347 /XMCD
GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG
Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: BT10 HUD8, ĐL T.H.Đạo,P.Pom Hán,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Cần trục bánh xích
Biển số đăng ký: 24XA-1157

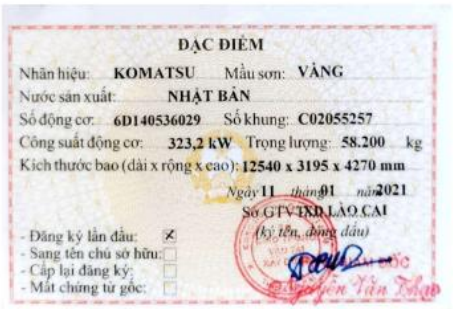

BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số X1357 /XMCD
GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG
Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: BT10 HUD8, ĐL T.H.Đạo,P.Pom Hán,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Cần trục bánh xích
Biển số đăng ký: 24XA-1163

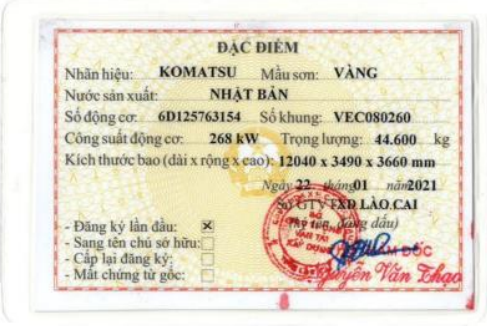

ĐẶC ĐIỂM
Nhãn hiệu: HITACHI Mầu sơn: CAM
Nước sản xuất: NHẬT BẢN
Số động cơ: H06CTB27873 Số khung: 2221018
Công suất động cơ: 110,3 kW Trọng lượng: 36.600 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 6468 x 3350 x 3175 mm
Ngày 11 tháng 01 năm 2021
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)
- Đăng ký lần đầu: ☒
- Sang tên chủ sở hữu: ☐
- Cấp lại đăng ký: ☐
- Mất chứng từ gốc: ☐

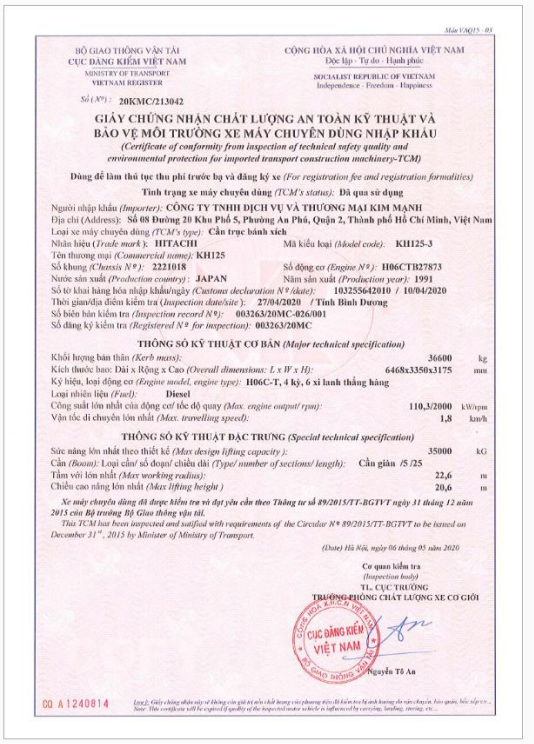

ĐẶC ĐIỂM
Nhãn hiệu: HITACHI Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: NHẬT BẢN
Số động cơ: EM100-38540 Số khung: 242-1584
Công suất động cơ: 110 kW Trọng lượng: 46.900 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 7000 x 4300 x 3280 mm
Ngày 03 tháng 02 năm 2021
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)
- Đăng ký lần đầu: ☐
- Sang tên chủ sở hữu: ☐
- Cấp lại đăng ký: ☐
- Mất chứng từ gốc: ☐


BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số X1348 /XMCD
GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG
Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: BT10 HUD8, ĐL T.H.Đạo,P.Pom Hán,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích
Biển số đăng ký: 24XA-1158


BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số X1351 /XMCD
GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG
Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: BT10 HUD8, ĐL T.H.Đạo,P.Pom Hán,Tp.Lào Cai,T.Lào Cai
Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích
Biển số đăng ký: 24XA-1161


ĐẶC ĐIỂM
Nhãn hiệu: KOMATSU Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: NHẬT BẢN
Số động cơ: 6D140536029 Số khung: C02055257
Công suất động cơ: 323,2 kW Trọng lượng: 58.200 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 12540 x 3195 x 4270 mm
Ngày 11 tháng 01 năm 2021
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)
- Đăng ký lần đầu: ☒
- Sang tên chủ sở hữu: ☐
- Cấp lại đăng ký: ☐
- Mất chứng từ gốc: ☐


ĐẶC ĐIỂM
Nhãn hiệu: KOMATSU Mầu sơn: VÀNG
Nước sản xuất: NHẬT BẢN
Số động cơ: 6D125763154 Số khung: VEC080260
Công suất động cơ: 268 kW Trọng lượng: 44.600 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 12040 x 3490 x 3660 mm
Ngày 22 tháng 01 năm 2021
Sở GTVT-XD LÀO CAI
(ký tên, đóng dấu)
- Đăng ký lần đầu: ☒
- Sang tên chủ sở hữu: ☐
- Cấp lại đăng ký: ☐
- Mất chứng từ gốc: ☐



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*N°*): **20KMC/213042**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI KIM MẠNH**
Địa chỉ *(Address)*: **Số 08 Đường 20 Khu Phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Cần trục bánh xích**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **HITACHI** Mã kiểu loại *(Model code)*: **KH125-3**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **KH125**
Số khung *(Chassis N°)*: **2221018** Số động cơ *(Engine N°)*: **H06CTB27873**
Nước sản xuất *(Production country)*: **JAPAN** Năm sản xuất *(Production year)*: **1991**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N°/date)*: **10325564210 / 10/04/2020**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **27/04/2020 / Tỉnh Bình Dương**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: **003263/20MC-026/001**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: **003263/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	36600	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	6468x3350x3175	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	H06C-T, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	110,3/2000	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	1,8	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Sức nâng lớn nhất theo thiết kế *(Max design lifting capacity)*:	35000	kG
Cần *(Boom)*: Loại cần/ số đoạn/ chiều dài *(Type/ number of sections/ length)*:	Cần giàn /5 /25	
Tầm với lớn nhất *(Max working radius)*:	22,6	m
Chiều cao nâng lớn nhất *(Max lifting height)*	20,6	m

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular N° 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2020

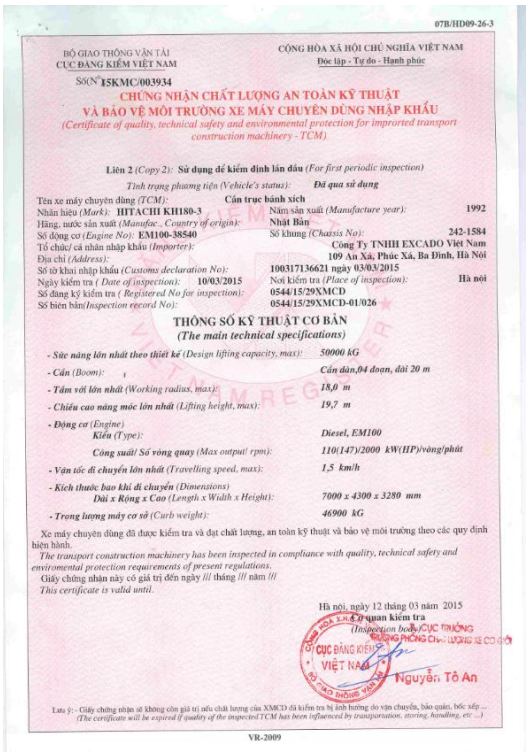
Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nguyễn Tô An

CQ A 1240814

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp ...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc ...



07B/HD09-26-3

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(*N°*): **15KMC/003934**

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of quality, technical safety and environmental protection for imported transport construction machinery - TCM)

Liên 2 *(Copy 2)*: **Sử dụng để kiểm định lần đầu** *(For first periodic inspection)*

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status): **Đã qua sử dụng**

Tên xe máy chuyên dùng *(TCM)*: **Cần trục bánh xích**
Nhãn hiệu *(Mark)*: **HITACHI KH180-3** Năm sản xuất *(Manufacture year)*: **1992**
Hãng, nước sản xuất *(Manufac., Country of origin)*: **Nhật Bản**
Số động cơ *(Engine No)*: **EM100-38540** Số khung *(Chassis No)*: **242-1584**
Tổ chức/ cá nhân nhập khẩu *(Importer)*: **Công Ty TNHH EXCADO Việt Nam**
Địa chỉ *(Address)*: **109 An Xá, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội**
Số tờ khai nhập khẩu *(Customs declaration No)*: **100317736621 ngày 03/03/2015**
Ngày kiểm tra *(Date of inspection)*: **10/03/2015** Nơi kiểm tra *(Place of inspection)*: **Hà nội**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered No for inspection)*: **0544/15/29XMCD**
Số biên bản*(Inspection record No)*: **0544/15/29XMCD-01/026**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(The main technical specifications)

- **Sức nâng lớn nhất theo thiết kế** *(Design lifting capacity, max)*:	**50000 kG**
- **Cần** *(Boom)*:	**Cần dàn,04 đoạn, dài 20 m**
- **Tầm với lớn nhất** *(Working radius, max)*:	**18,0 m**
- **Chiều cao nâng móc lớn nhất** *(Lifting height, max)*:	**19,7 m**
- **Động cơ** *(Engine)*	
Kiểu *(Type)*:	**Diesel, EM100**
Công suất/ Số vòng quay *(Max output/ rpm)*:	**110(147)/2000 kW(HP)/vòng/phút**
- **Vận tốc di chuyển lớn nhất** *(Travelling speed, max)*:	**1,5 km/h**
- **Kích thước bao khi di chuyển** *(Dimensions)*	
Dài x Rộng x Cao *(Length x Width x Height)*:	**7000 x 4300 x 3280 mm**
- **Trọng lượng máy cơ sở** *(Curb weight)*:	**46900 kG**

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành.
The transport construction machinery has been inspected in compliance with quality, technical safety and environmental protection requirements of present regulations.
Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày /// tháng /// năm ///
This certificate is valid until.

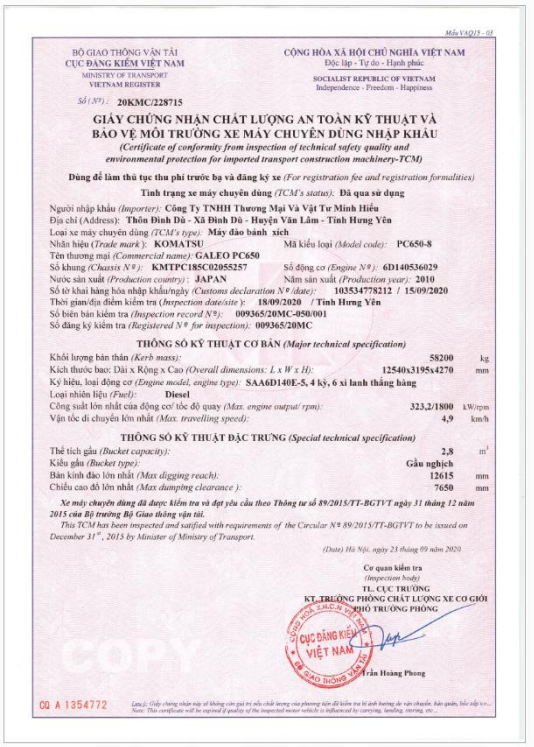
Hà nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015
Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nguyễn Tô An

Lưu ý: - Giấy chứng nhận sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của XMCD đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp ...
(The certificate will be expired if quality of the inspected TCM has been influenced by transportation, storing, handling, etc ...)

VR-2009



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*N°*): **20KMC/228715**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **Công Ty TNHH Thương Mại Và Vật Tư Minh Hiếu**
Địa chỉ (Address): **Thôn Đình Đô - Xã Đình Dù - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Máy đào bánh xích**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **KOMATSU** Mã kiểu loại *(Model code)*: **PC650-8**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **GALEO PC650**
Số khung *(Chassis N°)*: **KMTPC185C02055257** Số động cơ *(Engine N°)*: **6D140536029**
Nước sản xuất *(Production country)*: **JAPAN** Năm sản xuất *(Production year)*: **2010**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N°/date)*: **10353477821 2 / 15/09/2020**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **18/09/2020 / Tỉnh Hưng Yên**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: **009365/20MC-050/001**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: **009365/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	58200	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	12540x3195x4270	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	SAA6D140E-5, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	323,2/1800	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	4,9	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Thể tích gầu *(Bucket capacity)*:	2,8	m^3
Kiểu gầu *(Bucket type)*:	Gầu ngửa	
Bán kính đào lớn nhất *(Max digging reach)*:	12615	mm
Chiều cao đổ lớn nhất *(Max dumping clearance)*:	7650	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular N° 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 23 tháng 09 năm 2020

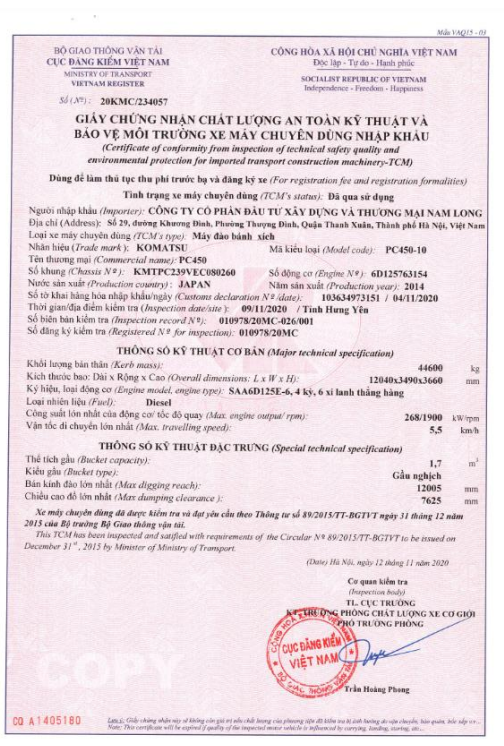
Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Trần Hoàng Phong

CQ A 1354772

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp ...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc ...



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*N°*): **20KMC/234057**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe *(For registration fee and registration formalities)*

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM LONG**
Địa chỉ (Address): **Số 29, đường Khương Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Máy đào bánh xích**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **KOMATSU** Mã kiểu loại *(Model code)*: **PC450-10**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **PC450**
Số khung *(Chassis N°)*: **KMTPC239VEC080260** Số động cơ *(Engine N°)*: **6D125763154**
Nước sản xuất *(Production country)*: **JAPAN** Năm sản xuất *(Production year)*: **2014**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration N°/date)*: **103634973151 / 04/11/2020**
Thời gian/địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **09/11/2020 / Tỉnh Hưng Yên**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: **010978/20MC-026/001**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*: **010978/20MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN *(Major technical specification)*

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	44600	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	12040x3490x3660	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	SAA6D125E-6, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*:	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	268/1900	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max. travelling speed)*:	5,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG *(Special technical specification)*

Thể tích gầu *(Bucket capacity)*:	1,7	m^3
Kiểu gầu *(Bucket type)*:	Gầu ngửa	
Bán kính đào lớn nhất *(Max digging reach)*:	12005	mm
Chiều cao đổ lớn nhất *(Max dumping clearance)*:	7625	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circular N° 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2020

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Trần Hoàng Phong

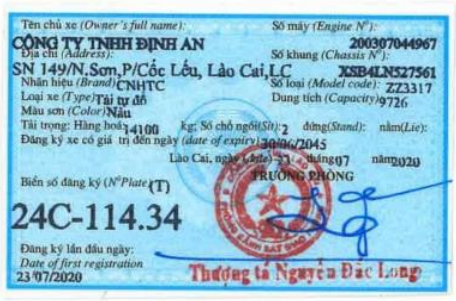
CQ A 1405180

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp ...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc ...


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
Lao Cai Province's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 033416

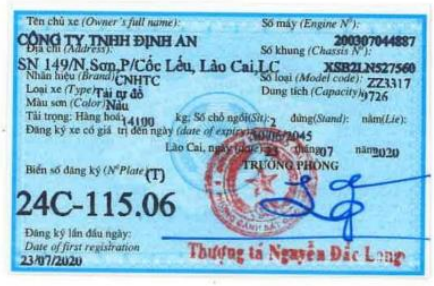

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
Lao Cai Province's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 033413


Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Số máy (Engine N°): 200307045057
Địa chỉ (Address): SN 149/N,Sơn,P/Cốc Lếu, Lào Cai,LC
Số khung (Chassis N°): XSBXLN527564
Nhãn hiệu (Brand): CNHTC
Số loại (Model code): ZZ3317
Loại xe (Type): Tải tự đổ
Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Nâu Vàng
Tài trọng: Hàng hoá 14100 kg; Số chỗ ngồi(Sit): 2 đứng(Stand): nằm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 30/06/2045
Lào Cai, ngày (date) 23 tháng 07 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG
Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
24C-114.66
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration 23/07/2020
Thượng tá Nguyễn Đắc Long


Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Số máy (Engine N°): 200307044967
Địa chỉ (Address): SN 149/N,Sơn,P/Cốc Lếu, Lào Cai,LC
Số khung (Chassis N°): XSB4LN527561
Nhãn hiệu (Brand): CNHTC
Số loại (Model code): ZZ3317
Loại xe (Type): Tải tự đổ
Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Nâu
Tài trọng: Hàng hoá 14100 kg; Số chỗ ngồi(Sit): 2 đứng(Stand): nằm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 30/06/2045
Lào Cai, ngày (date) 23 tháng 07 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG
Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
24C-114.34
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration 23/07/2020
Thượng tá Nguyễn Đắc Long


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
Lao Cai Province's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 033415


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
Lao Cai Province's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 034003


Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Số máy (Engine N°): 200307044887
Địa chỉ (Address): SN 149/N,Sơn,P/Cốc Lếu, Lào Cai,LC
Số khung (Chassis N°): XSB2LN527560
Nhãn hiệu (Brand): CNHTC
Số loại (Model code): ZZ3317
Loại xe (Type): Tải tự đổ
Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Nâu
Tài trọng: Hàng hoá 14100 kg; Số chỗ ngồi(Sit): 2 đứng(Stand): nằm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 30/06/2045
Lào Cai, ngày (date) 23 tháng 07 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG
Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
24C-115.06
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration 23/07/2020
Thượng tá Nguyễn Đắc Long


Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Số máy (Engine N°): 200707017137
Địa chỉ (Address): Tổ 19,P/Pom Hán,TP/Lào Cai,LC
Số khung (Chassis N°): XSB9LW623874
Nhãn hiệu (Brand): CNHTC
Số loại (Model code): ZZ3317N32
Loại xe (Type): Tải tự đổ
Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Xanh
Tài trọng: Hàng hoá: 13100 kg; Số chỗ ngồi(Sit): 2 đứng(Stand): nằm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 31/12/2045
Lào Cai, ngày (date) 02 tháng 09 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG
Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
24C-116.06
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration 07/09/2020
Thượng tá Nguyễn Đắc Long


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
Lao Cai Province's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 034006


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
Lao Cai Province's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 034005


Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Số máy (Engine N°): 200707017157
Địa chỉ (Address): Tổ 19,P/Pom Hán,TP/Lào Cai,LC
Số khung (Chassis N°): XSB6LA695970
Nhãn hiệu (Brand): CNHTC
Số loại (Model code): ZZ3317N32
Loại xe (Type): Tải tự đổ
Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Xanh
Tải trọng: Hàng hoá: 13100 kg; Số chỗ ngồi(Sit): 2 đứng(Stand): nằm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 31/12/2045
Lào Cai, ngày (date) 07 tháng 09 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG
Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
24C-116.41
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration
07/09/2020
Thượng tá Nguyễn Đắc Long


Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Số máy (Engine N°): 200707017127
Địa chỉ (Address): Tổ 19,P/Pom Hán,TP/Lào Cai,LC
Số khung (Chassis N°): XSB5LW623872
Nhãn hiệu (Brand): CNHTC
Số loại (Model code): ZZ3317N32
Loại xe (Type): Tải tự đổ
Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Xanh
Tải trọng: Hàng hoá: 13100 kg; Số chỗ ngồi(Sit): 2 đứng(Stand): nằm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 31/12/2045
Lào Cai, ngày (date) 07 tháng 09 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG
Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
24C-116.93
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration
07/09/2020
Thượng tá Nguyễn Đắc Long


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
Lao Cai Province's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 034007


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
Lao Cai Province's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 034009


Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Số máy (Engine N°): 200707016247
Địa chỉ (Address): Tổ 19,P/Pom Hán,TP/Lào Cai,LC
Số khung (Chassis N°): XSB1LW623870
Nhãn hiệu (Brand): CNHTC
Số loại (Model code): ZZ3317N32
Loại xe (Type): Tải tự đổ
Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Xanh
Tải trọng: Hàng hoá: 13100 kg; Số chỗ ngồi(Sit): 2 đứng(Stand): nằm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 31/12/2045
Lào Cai, ngày (date) 07 tháng 09 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG
Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
24C-117.10
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration
07/09/2020
Thượng tá Nguyễn Đắc Long


Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY TNHH ĐỊNH AN
Số máy (Engine N°): 200707017147
Địa chỉ (Address): Tổ 19,P/Pom Hán,TP/Lào Cai,LC
Số khung (Chassis N°): XSB3LW623871
Nhãn hiệu (Brand): CNHTC
Số loại (Model code): ZZ3317N32
Loại xe (Type): Tải tự đổ
Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Xanh
Tải trọng: Hàng hoá: 13100 kg; Số chỗ ngồi(Sit): 2 đứng(Stand): nằm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 31/12/2045
Lào Cai, ngày (date) 07 tháng 09 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG
Biển số đăng ký (N°Plate) (T)
24C-117.50
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration
07/09/2020
Thượng tá Nguyễn Đắc Long

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **24C-114.66** *(Registration Number)* Số quản lý: 2907D-033053 *(Vehicle Inspection No.)*
Loại phương tiện: *(Type)* ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu: *(Mark)* CNHTC
Số loại: *(Model code)* ZZ3317N3267E1
Số máy: *(Engine Number)* D10385020030704505 7
Số khung: *(Chassis Number)* LZZ1EXSBXLN527564
Năm, Nước sản xuất: 2020, Trung Quốc *(Manufactured Year and Country)* Niên hạn SD: 2045 *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 8x4 *(Wheel Formula)* Vết bánh xe: 2041/1860 (mm) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 9300 x 2500 x 3580 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)* 6500/6370x2300/2025x720/580 (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 1800+3200+1350 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 16770 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14100/13100 (kg) *(Design/Authorized pay load)*
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg) *(Design/Authorized total mass)*
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg) *(Design/Authorized towed mass)*
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm *(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)*
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 9726 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 276(kW)/2000vph
Số sê-ri: *(No.)* KD-2438497 3722772276

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 12.00R20
2: 2; 12.00R20
3: 4; 12.00R20
4: 4; 12.00R20

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2020 *(Issued on: Day/Month/Year)*
Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 2907D-10238/20
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **24/07/2022**
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH *(INSPECTION CENTER)*
PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Tuấn Anh



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **24C-114.34** *(Registration Number)* Số quản lý: 2907D-033055 *(Vehicle Inspection No.)*
Loại phương tiện: *(Type)* ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu: *(Mark)* CNHTC
Số loại: *(Model code)* ZZ3317N3267E1
Số máy: *(Engine Number)* D10385020030704496 7
Số khung: *(Chassis Number)* LZZ1EXSB4LN527561
Năm, Nước sản xuất: 2020, Trung Quốc *(Manufactured Year and Country)* Niên hạn SD: 2045 *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 8x4 *(Wheel Formula)* Vết bánh xe: 2041/1860 (mm) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 9300 x 2500 x 3580 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)* 6500/6370x2300/2025x720/580 (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 1800+3200+1350 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 16770 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14100/13100 (kg) *(Design/Authorized pay load)*
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg) *(Design/Authorized total mass)*
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg) *(Design/Authorized towed mass)*
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm *(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)*
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 9726 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 276(kW)/2000vph
Số sê-ri: *(No.)* KD-3300503 5323772276

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 12.00R20
2: 2; 12.00R20
3: 4; 12.00R20
4: 4; 12.00R20

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2020 *(Issued on: Day/Month/Year)*
Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 2907D-10239/20
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **24/07/2022**
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH *(INSPECTION CENTER)*
PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Tuấn Anh



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **24C-115.06** *(Registration Number)* Số quản lý: 2907D-033054 *(Vehicle Inspection No.)*
Loại phương tiện: *(Type)* ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu: *(Mark)* CNHTC
Số loại: *(Model code)* ZZ3317N3267E1
Số máy: *(Engine Number)* D103850200307044887
Số khung: *(Chassis Number)* LZZ1EXSB2LN527560
Năm, Nước sản xuất: 2020, Trung Quốc *(Manufactured Year and Country)* Niên hạn SD: 2045 *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 8x4 *(Wheel Formula)* Vết bánh xe: 2041/1860 (mm) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 9300 x 2500 x 3580 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)*
6500/6370x2300/2025x720/580 (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 1800+3200+1350 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 16770 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14100/13100 (kg) *(Design/Authorized pay load)*
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg) *(Design/Authorized total mass)*
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg) *(Design/Authorized towed mass)*
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm *(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)*
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 9726 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 276(kW)/2000vph
Số sê-ri: *(No.)* **KD-2438498** 3824772276

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 12.00R20
2: 2; 12.00R20
3: 4; 12.00R20
4: 4; 12.00R20

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2020 *(Issued on: Day/Month/Year)*
Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 2907D-10240/20
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **24/07/2022**
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH *(INSPECTION CENTER)*
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 29-07D
GIÁM ĐỐC



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **24C-116.06** *(Registration Number)* Số quản lý: 2907D-033258 *(Vehicle Inspection No.)*
Loại phương tiện: *(Type)* ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu: *(Mark)* CNHTC
Số loại: *(Model code)*
Số máy: *(Engine Number)* D103850200707017137
Số khung: *(Chassis Number)* LZZ1EXSB9LW623874
Năm, Nước sản xuất: 2020, Trung Quốc *(Manufactured Year and Country)* Niên hạn SD: 2045 *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 8x4 *(Wheel Formula)* Vết bánh xe: 2041/1860 (mm) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 9300 x 2500 x 3580 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)*
6500/6370x2300/2025x720/580 (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 1800+3200+1350 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 16770 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14100/13100 (kg) *(Design/Authorized pay load)*
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg) *(Design/Authorized total mass)*
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg) *(Design/Authorized towed mass)*
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm *(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)*
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 9726 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 276(kW)/2000vph
Số sê-ri: *(No.)* **KD-3301898** 98901992276

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 12.00R20
2: 2; 12.00R20
3: 4; 12.00R20
4: 4; 12.00R20

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2020 *(Issued on: Day/Month/Year)*
Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 2907D-11800/20
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **08/09/2022**
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH *(INSPECTION CENTER)*
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 29-07D
GIÁM ĐỐC



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **24C-116.41** *(Registration Number)* Số quản lý: 2907D-033259 *(Vehicle Inspection No.)*
Loại phương tiện: *(Type)* ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu: *(Mark)* CNHTC
Số loại: *(Model code)*
Số máy: *(Engine Number)* D10385020070701715 7
Số khung: *(Chassis Number)* LZZ1EXSB6LA695970
Năm, Nước sản xuất: 2020, Trung Quốc Niên hạn SD: 2045
(Manufactured Year and Country) *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 8x4 *(Wheel Formula)* Vết bánh xe: 2041/1860 (mm) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 9300 x 2500 x 3580 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)*
6500/6370x2300/2025x720/580 (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 1800+3200+1350 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 16770 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14100/13100 (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 9726 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 276(kW)/2000vph
Số sê-ri: *(No.)* **KD-3301909** 1991992276

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 12.00R20
2: 2; 12.00R20
3: 4; 12.00R20
4: 4; 12.00R20

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2020
(Issued on: Day/Month/Year)
Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 2907D-11801/20
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **08/09/2022**
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH *(INSPECTION CENTER)*
GIÁM ĐỐC



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **24C-116.93** *(Registration Number)* Số quản lý: 2907D-033257 *(Vehicle Inspection No.)*
Loại phương tiện: *(Type)* ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu: *(Mark)* CNHTC
Số loại: *(Model code)*
Số máy: *(Engine Number)* D10385020070701712 7
Số khung: *(Chassis Number)* LZZ1EXSB5LW623872
Năm, Nước sản xuất: 2020, Trung Quốc Niên hạn SD: 2045
(Manufactured Year and Country) *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 8x4 *(Wheel Formula)* Vết bánh xe: 2041/1860 (mm) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 9300 x 2500 x 3580 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)*
6500/6370x2300/2025x720/580 (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 1800+3200+1350 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 16770 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14100/13100 (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 9726 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 276(kW)/2000vph
Số sê-ri: *(No.)* **KD-3301897** 9788992276

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 12.00R20
2: 2; 12.00R20
3: 4; 12.00R20
4: 4; 12.00R20

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2020
(Issued on: Day/Month/Year)
Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 2907D-11798/20
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **08/09/2022**
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH *(INSPECTION CENTER)*
GIÁM ĐỐC



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **24C-117.10** Số quản lý: 2907D-033262
(Registration Number) *(Vehicle Inspection No.)*
Loại phương tiện: *(Type)* ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu: *(Mark)* CNHTC
Số loại: *(Model code)*
Số máy: *(Engine Number)* D103850200707016247
Số khung: *(Chassis Number)* LZZ1EXSB1LW623870
Năm, Nước sản xuất: 2020, Trung Quốc Niên hạn SD: 2045
(Manufactured Year and Country) *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 8x4 Vết bánh xe: 2041/1860 (mm)
(Wheel Formula) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 9300 x 2500 x 3580 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)*
6500/6370x2300/2025x720/580 (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 1800+3200+1350 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 16770 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14100/13100 (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 9726 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 276(kW)/2000vph
Số sê-ri: *(No.)* **KD-3301901** 1196992276

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 12.00R20
2: 2; 12.00R20
3: 4; 12.00R20
4: 4; 12.00R20

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2020
(Issued on: Day/Month/Year)
Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 2907D-11806/20
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **08/09/2022**
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)
GIÁM ĐỐC



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued)* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **24C-117.50** Số quản lý: 2907D-033264
(Registration Number) *(Vehicle Inspection No.)*
Loại phương tiện: *(Type)* ô tô tải (tự đổ)
Nhãn hiệu: *(Mark)* CNHTC
Số loại: *(Model code)*
Số máy: *(Engine Number)* D103850200707017147
Số khung: *(Chassis Number)* LZZ1EXSB3LW623871
Năm, Nước sản xuất: 2020, Trung Quốc Niên hạn SD: 2045
(Manufactured Year and Country) *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 8x4 Vết bánh xe: 2041/1860 (mm)
(Wheel Formula) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 9300 x 2500 x 3580 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)*
6500/6370x2300/2025x720/580 (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 1800+3200+1350 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 16770 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14100/13100 (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 9726 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 276(kW)/2000vph
Số sê-ri: *(No.)* **KD-3301907** 1794992276

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 12.00R20
2: 2; 12.00R20
3: 4; 12.00R20
4: 4; 12.00R20

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2020
(Issued on: Day/Month/Year)
Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 2907D-11804/20
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **08/09/2022**
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)
GIÁM ĐỐC



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued)* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

2. NĂNG LỰC KINH NGHIỆM
- DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU –
LĨNH VỰC XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, với mục tiêu phát triển bền vững, gia tang việc làm cho CBCNV, Định An đã tham gia xây dựng các công trình dân dụng, các khu đô thị góp phần thay đổi diện mạo đất nước.

CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DÂN DỤNG – CÔNG NGHIỆP TIÊU BIỂU

STT	Tên Hợp đồng	Tên chủ đầu tư (nhà thầu chính)	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)
1	Hợp đồng số 287/2012/HĐHT ngày 28 tháng 07 năm 2012	Doanh nghiệp tư nhân XD số 1 tỉnh Điện Biên	Hợp đồng xây dựng công trình CT10C công trình có chức năng hỗn hợp Đại Thanh. Địa chỉ: Tả Thanh Oai- Thanh Trì- Hà Nội	47.634.345.000
2	Hợp đồng số 112/2014/HĐHT ngày 01 tháng 12 năm 2014	Doanh nghiệp tư nhân XD số 1 tỉnh Điện Biên	Xây dựng công trình "Tòa hỗn hợp dịch vụ thương mại văn phòng và nhà ở HH1 tháp A" Địa điểm: Ô đất CC6 Khu Đô thị Linh Đàm – Hoàng Mai- Hà Nội. Năm 2014	72.548.160.850
3	Hợp đồng số 10/2015/HĐXD/HTCH NDA ngày 07 tháng 07 năm 2015	Công ty cổ phần Hateco Hà Nội	Xây dựng công trình dự án Hateco Hoàng Mai. Địa điểm: Thôn Sở Thượng, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội.	226.353.161.000

LĨNH VỰC XÂY DỰNG THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN

Xây dựng các công trình Thủy lợi, thủy điện là thế mạnh của Định An. Với đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm, đủ năng lực đảm nhiệm các công việc từ thiết kế biện pháp thi công đến tổ chức thi công các công trình Thủy lợi, thủy điện lớn. Với hệ thống trang thiết bị đồng bộ, hiện đại Định An đang nỗ lực vươn lên làm chủ công nghệ thi công, đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình, góp phần cho sự phát triển của ngành, đất nước.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN TIÊU BIỂU

STT	Tên Hợp đồng	Tên chủ đầu tư (nhà thầu chính)	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)
1	Hợp đồng số 08/2015/HĐKT-IAG2 ngày 31 tháng 8 năm 2015	Công ty cổ phần Quốc Cường Gia Lai	Hợp đồng thi công xây dựng Đập chính, đập phụ, đập tràn, kênh xả hạ lưu	250.177.692.061
2	Hợp đồng số 09/2016/HĐ-KT ngày 25 tháng 4 năm 2016	Công ty cổ phần ĐTXD Thủy điện Quốc Cường	Thi công xây dựng Đập dâng, đập tràn, kênh dẫn nước và dẫn dòng thi công	313.688.004.000
3	Hợp đồng số 01/HĐ-TCXD ngày 06 tháng 11 năm 2012	Công ty cổ phần tập đoàn ĐTXD Cường Thịnh Thi	Thi công nâng cấp tuyến đê hữu Hoàng Long và các công trình trên đê	177.341.299.000
4	Hợp đồng số 09/2013/HĐ-XD ngày 25 tháng 7 năm 2013	Sở NN & PTNT tỉnh Lào Cai	Thi công xây dựng tuyến kè bảo vệ bờ tả sông Hồng khu vực thị trấn Phố Lu	183.016.039.106
5	Hợp đồng số 04/2013/HĐXD ngày 16 tháng 01 năm 2013	Ban quản lý dự án CTXD Nông nghiệp & PTNT Phú Thọ	Gói thầu 11: Thi công xây dựng công trình gia cố thân đê và cứng hóa mặt đê các đoạn Km99,95-Km105 đê tả sông Thao; Km70,3-Km72 đê hữu Sông Lô	74.874.600.000
6	Hợp đồng số 83/HĐXD.2013 ngày 24 tháng 12 năm 2013	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp Long An	Thi công xây dựng đoạn từ kênh Cái Cỏ đến kênh Hồng Ngự	124.921.520.000

LĨNH VỰC GIAO THÔNG – HẠ TẦNG KỸ THUẬT

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT TIÊU BIỂU

STT	Tên Hợp đồng	Tên chủ đầu tư (nhà thầu chính)	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)
I	**CÁC CÔNG TRÌNH ĐANG TRIỂN KHAI THI CÔNG**			
1	Hợp đồng số 08/2019/HĐTC-ĐCT ngày 24 tháng 12 năm 2019	Bộ Giao thông vận tải Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh	Gói thầu số XL-08: "Xây lắp và khảo sát, thiết kế BVTC đoạn Km69+000 – Km78+000 (bao gồm các cầu: cầu Số 4, Tu Ca, cầu Số 5, Tam Vinh, Khe Nước, Khe Ly)", Dự án: thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lộ - La Sơn thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020"	945.235.303.605
2	Hợp đồng số 39/2020/HĐXD-B7 ngày 14 tháng 8 năm 2020	Bộ Giao thông vận tải Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA 7	Gói thầu XL.04: Thi công cầu dẫn phía Vĩnh Long (bao gồm 03 nhịp đúc hẫng, 14 nhịp Super T và toàn bộ kết cấu phần dưới từ trụ T18 đến mố M34); đường dẫn phía Vĩnh Long đoạn Km107+356 – Km107+740. Dự án thành phần đầu tư xây dựng cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn hai đầu cầu thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020	402.700.000.000
3	Hợp đồng số 3265/2020/HĐXL-BQLDATL ngày 28 tháng 9 năm 2020	Bộ Giao thông vận tải Ban QLDA Thăng Long	Gói thầu 11-XL: Thi công xây dựng đoạn Km289+500-Km301+000 (Bao gồm Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công), thuộc Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn – QL45 thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao	852.357.958.241

			tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	
4	Hợp đồng số XL-NTSG-21 ngày 04 tháng 12 năm 2020	Chủ đầu tư: Ban QLDA Đường Sắt (Bộ Giao thông vận tải)	Gói thầu số 21: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Km1619+125 đến 1688+040 thuộc tỉnh Đồng Nai; Dự án: Cải tạo nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang – Sài Gòn tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh	273.775.386.130
5	Hợp đồng số 3367/CIPM-HĐXL ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bộ Giao thông vận tải Đại diện chủ đầu tư: Tổng công ty đầu tư phát triển và quản lý dự án hạ tầng giao thông Cửu Long (Tổng Công ty Cửu Long)	Gói thầu XL-01: Xây dựng đoạn tuyến Km107+363.08 – Km113+500 (bao gồm khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ Thuận – Cần Thơ giai đoạn 1	809.036.508.719
II	**CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TRIỂN KHAI**			
1	Hợp đồng số: 1175/2011/HĐ-XD ngày 11 tháng 11 năm 2011	Ban QLDA sở GTVT tỉnh Lai Châu	Gói thầu số 01: Xây dựng đường và các cầu nhỏ từ Km22-Km39	38.939.787.256
2	Hợp đồng số: LC3-01/2013/HĐ-QLDA ngày 30 tháng 8 năm 2013	Ban QLDA ODA tỉnh Lào Cai	Gói thầu xây dựng thuyến đượng D1 giai đoạn I (1/3 của đoạn 2 từ đường B5 đến đường B8); dự án: phát triển đô thị loại vừa Việt Nam, tiểu dự án TP Lào Cai	97.331.403.000
3	Hợp đồng số: LC3-02/2014/HĐXL	Ban QLDA ODA tỉnh Lào Cai	Gói thầu xây dựng thuyến đượng D1 giai đoạn II(2/3 của đoạn 2 + đoạn 1) và cầu Làng Chiềng; dự án: phát triển đô thị loại vừa Việt Nam, tiểu dự án TP Lào Cai	121.303.242.541

4	Hợp đồng số 36/HĐXL-VEC-2014 ngày 03 tháng 6 năm 2014	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	Gói thầu B1-A6: thiết bị cho hầm xuyên núi thuộc gói thầu A6, dự án: Xây dựng đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai.	87.892.164.845
5	Hợp đồng số 36/HĐXL-VEC-2014 ngày 03 tháng 6 năm 2014	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	Gói thầu B1-C1: điện chiếu sang lắp đặt cho hạng mục còn lại trên toàn tuyến; dự án: Xây dựng đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai.	70.999.888.000
6	Hợp đồng 35/2014/HĐXD ngày 19 tháng 03 năm 2014	Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Gói thầu XL02: Xây lắp hầm phước tượng Km2+700 – km3+700; dự án: Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia. Tỉnh Thừa Thiên Huế theo hình thức BOT	39.899.058.000
7	Hợp đồng số XL.04/2014/HĐNT-TH-ĐA ngày 21 tháng 12 năm 2014	Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	Thi công xây dựng gói thầu XL.04 (Km4+639,279 – Km5+52,704) thuộc dự án đầu tư xây dựng cầu Thái Hà vượt Sông Hồng.	139.030.206.774
8	Hợp đồng số 21.3/2015/HĐKT/HLVĐ ngày 16/11/2015	Công ty cổ phần BOT Biên Cương	Gói thầu XDCT01: thi công xây dựng cao tốc từ km0+000-km8+000 bao gồm cả nút giao Minh Khai, Việt Hưng, dự án: đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn và cải tạo nâng cấp quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương	272.231.848.000
9	Hợp đồng số : ADB-EVNHCMC-CBBT-W1 ngày 30 tháng 12 năm 2015	Ban QLDA lưới điện thành phố HCM	Đào và tái lập mương cáp ngầm, dự án: đường dây 220-110kv Cầu Bông-Bình Tân	41.207.291.840
10	Hợp đồng số 11/2016/HĐ-XL ngày 28 tháng 9 năm 2016	Ban QLDA nâng cấp tỉnh lộ ADB tỉnh Tuyên Quang	Thi công xây dựng cầu Bình Ca và 10m đường hai đầu cầu (bao gồm cả TK BVTC) dự án: Tiểu dự án 1 – dự án đầu tư xây dựng Cầu Bình Ca (bao gồm đường	187.042.927.000

			dẫn cầu từ ngã ba Phú Thính đến km124+500 QL2)	
11	Hợp đồng số 04/2016/HĐXL ngày 20 tháng 6 năm 2016	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Phương Anh	Thi công xây dựng gói thầu xây lắp số 04: Km21+00-Km30+00 (không bao gồm phần cầu) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên và Gia Lai, đoạn trên địa phận tỉnh Phú Yên.	102.379.987.000
12	Hợp đồng số 611/2015/HĐKT/PA-ĐA ngày 11 tháng 6 năm 2015	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Phương Anh	Thi công phân đoạn Km18+00-Km25+00 (Gói thầu số 7: Km18+00-Km22+00 và gói thầu số 8: Km22+00-Km25+00) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường bộ nối hai tỉnh Thái Bình, Hà Nam với đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	530.211.814.000
13	Hợp đồng số 36/2016/HĐXD ngày 18 tháng 11 năm 2016	Chủ đầu tư: Ban QLDA sử dụng vốn ODA thành phố Hòa Bình Nhà thầu chính: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	Thi công xây dựng cầu Hòa Bình 3 và đường dẫn thuộc chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Hòa Bình.	390.944.298.000
14	Hợp đồng số 25/2016/HĐ-TCXD ngày 28 tháng 12 năm 2016	Chủ đầu tư: Công ty TNHH BOT Phú Hà Nhà thầu chính: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	Thi công xây dựng công trình phần cầu chính, cầu dẫn bờ Phú Thọ (gồm 03 trụ chính) và phần đường dẫn bờ Phú Thọ thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Việt Trì - Ba Vì, nối Quốc lộ 32 với Quốc lộ 32C theo hình thức hợp đồng BOT.	270.999.088.000
15	Hợp đồng số 01/2018/HĐ-EC ngày 19 tháng 01 năm 2018	Ban QLDA Xây dựng giao thông Bắc Ninh	Thiết kế BVTC, dự toán và toàn bộ phần thi công xây dựng (Gói thầu hỗn hợp EC) thuộc dự án xây dựng cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành	1.348.389.362.000

		Nhà thầu chính Công ty TNHH Nhạc Sơn	(cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).	

3. HÌNH ẢNH THI CÔNG MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU

SƠ ĐỒ CÁC DỰ ÁN CAO TỐC ĐANG TRIỂN KHAI

Thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông Giai đoạn 2017-2020



Gói thầu: XL-08 đoạn Cam Lộ - La Sơn
Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lộ - La Sơn thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông
Giai đoạn 2017-2020






KOMATSU
PC
350
LC







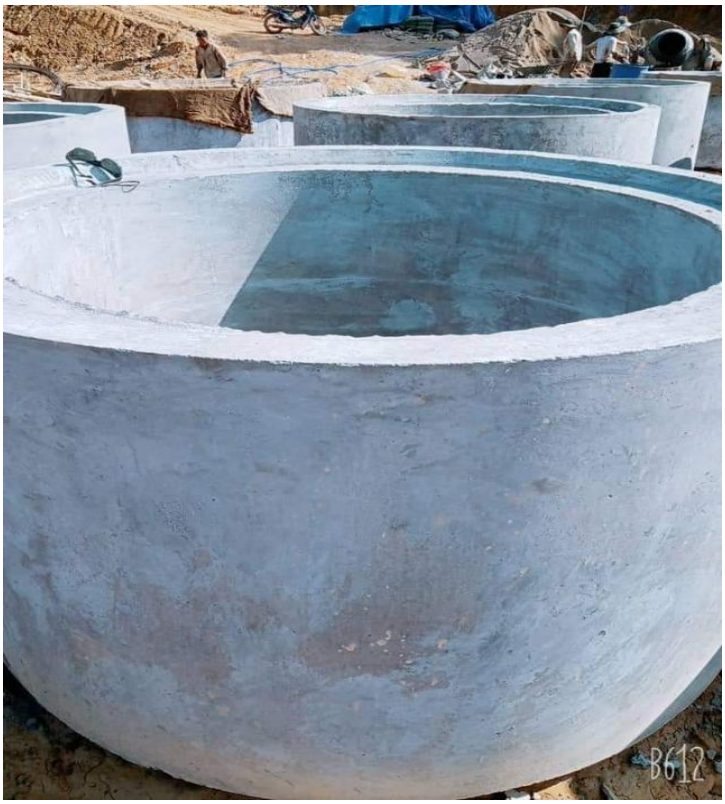



KOMATSU




















KOMATSU
PC 450
KOMATSU

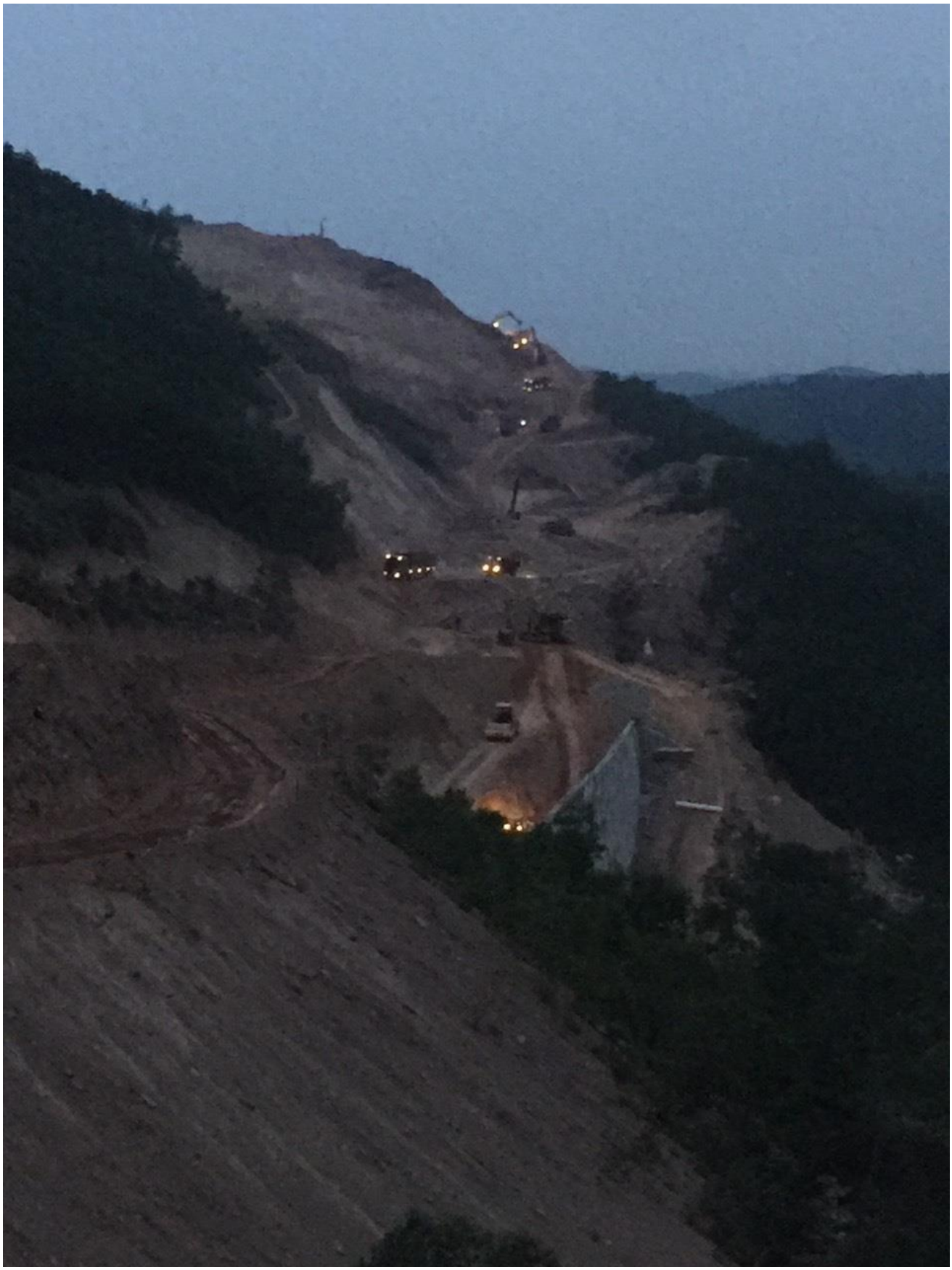

KOMATSU








KOMATSU



Gói thầu: XL-04 Thi công cầu dẫn phía Vĩnh Long
Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn hai đầu cầu thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông
Giai đoạn 2017-2020






ChuDuTV


ChuDuTV


ChuDuTV


ChuDuTV

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Bộ trưởng Bộ GTVT đến thăm và chỉ đạo Công trình Cầu Mỹ Thuận 2
















AN TOÀN LÀ
TRÊN HẾT


THUẬN
700


BÊ TÔNG TUẤN HIỀN
64C-063.92




17 Th4, 2021 09:58:13
345 Quốc lộ 80
Thành phố Vĩnh Long
Vĩnh Long

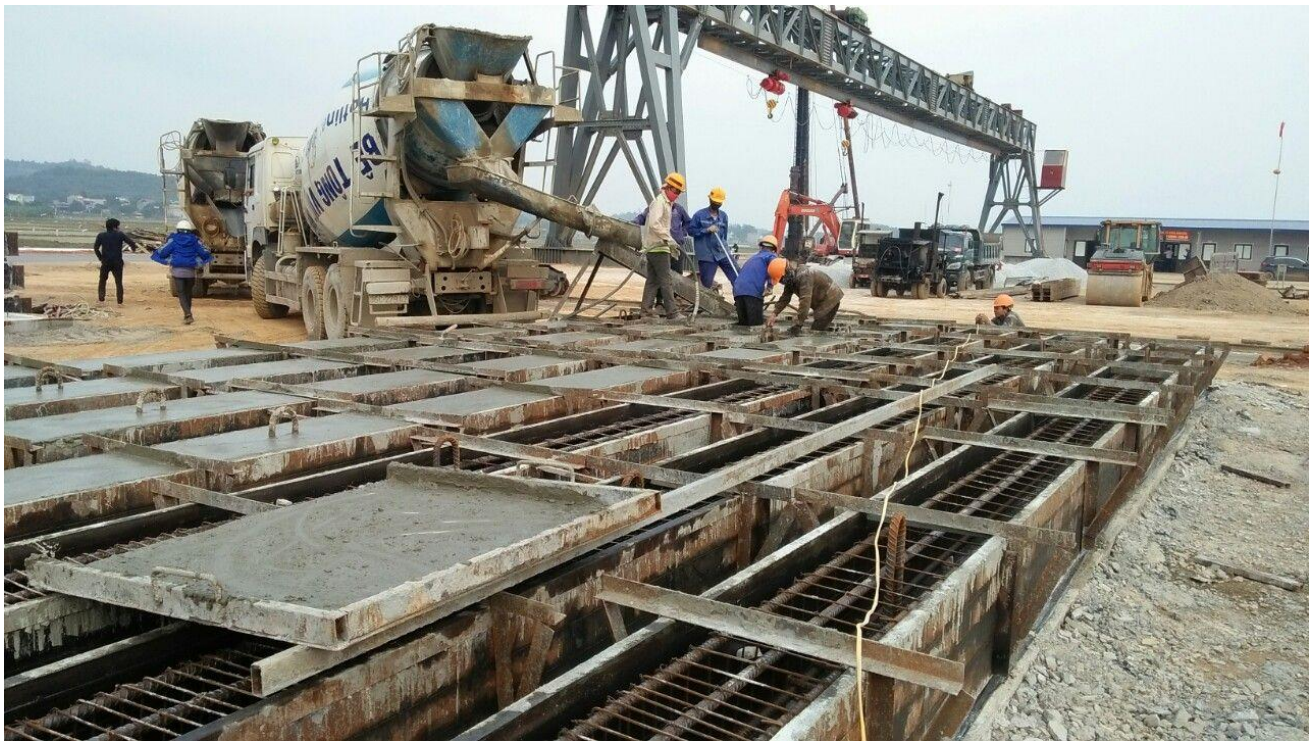

KOMATSU
16 Th4, 2021 10:25:41
Unnamed Road
Thành phố Vĩnh Long
Vĩnh Long

Gói thầu 11-XL Thi công xây dựng đoạn Mai Sơn – Quốc Lộ 45
Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn – Quốc Lộ 45 thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông
Giai đoạn 2017-2020




UBND TỈNH THANH HÓA
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
UBND TỈNH NINH BÌNH
LỄ KHỞI CÔNG
DỰ ÁN THÀNH PHẦN MAI SƠN - QUỐC LỘ 45 THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG
MỘT SỐ ĐOẠN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TRÊN TUYẾN BẮC - NAM PHÍA ĐÔNG
Thanh Hóa, ngày 30 tháng 9 năm 2020










KH125
HITACHI


DAG
















Hotline: 0902 238





Lãnh đạo Bộ Giao Thông Vận Tải đến thăm và chỉ đạo
Gói thầu 11-XL Thi công xây dựng đoạn Mai Sơn – Quốc Lộ 45





Gói thầu XL01: Dự án cao tốc Mỹ Thuận-Cần Thơ






UBND TỈNH VĨNH LONG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
LỄ KHỞI CÔNG
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
ĐƯỜNG CAO TỐC MỸ THUẬN - CẦN THƠ
Vĩnh Long, ngày 04 tháng 01 năm 2021
THÔNG TIN CHUNG:


UBND TỈNH VĨNH LONG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
LỄ KHỞI CÔNG
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
ĐƯỜNG CAO TỐC MỸ THUẬN - CẦN THƠ
Vĩnh Long, ngày 04 tháng 01 năm 2021


KOMATSU
D30P










SAKAI
SV91D


UNIC
64C 076 65
8 Th8, 2021 09:46:04
Tân Phú
Thành phố Vĩnh Long
Vĩnh Long



Gói thầu XL02: Dự án cao tốc Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, Thanh Hóa.










KOMATSU





Tổng Giám Đốc Công ty trực tiếp đi kiểm tra và động viên cán bộ làm việc ca đêm tại công trường XL02 Dự án Cao tốc Quốc lộ 45 – Nghi Sơn, Thanh Hóa.





Gói thầu GT21: Dự án cầu vượt đường sắt tỉnh Đồng Nai.






ĐÈN ĐỎ
DỪNG LẠI




ZOOMLION




ZOOMLION
0945 469 469


BRIDGESTONE



Gói thầu AG-CW-02 Tỉnh An Giang









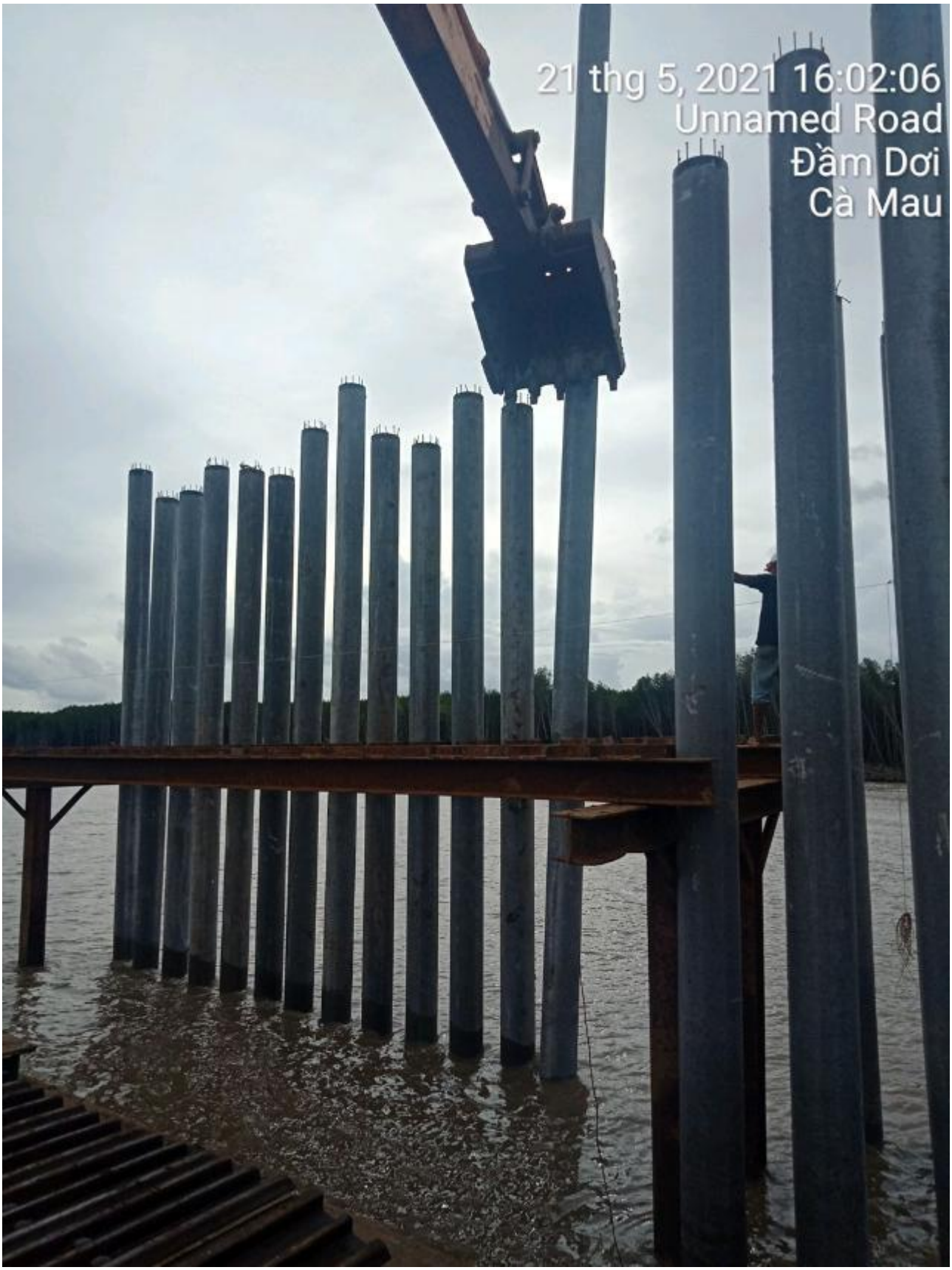






Gói thầu CPO-TDA1-CW-: Dự án kè Hố Gùi – Cà Mau




21 thg 5, 2021 16:02:06
Unnamed Road
Đầm Dơi
Cà Mau


21 thg 5, 2021 16:01:08
Unnamed Road
Đầm Dơi
Cà Mau


30 May 2021 at 10:22:55
Tỉnh Cà Mau
H. Đầm Dơi
Việt Nam
Xã Nguyễn Huân


30 May 2021 at 09:11:01
Tỉnh Cà Mau
H. Đầm Dơi
Việt Nam
Xã Nguyễn Huân


2 thg 6, 2021 15:15:56

Thi công Tầng Hầm công trình CT10C Đại Thanh

Thi công đào hố móng



Thi công lắp dựng tiếp địa, cốt thép



Dự án: Kè bờ tả sông Hồng bảo vệ cơ sở hạ tầng và khu dân cư khu vực phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai







Dự án: Thủy điện Iagrai 2 – tỉnh Gia lai

Hạng mục: Đập chính, đập phụ, đập tràn, khoan phụt nền công trình.





Dự án: Thủy điện Yaun Trung, tỉnh Gia Lai

Hạng mục: đập tràn





Xây lắp hầm Phú Gia Km1+240-Km2+340, tỉnh Thừa Thiên Huế





Dự án: Xây dựng đường cao tốc Nội Bài– Lào Cai





Dự án: Đầu tư xây dựng cầu Thái Hà vượt Sông Hồng

Công tác: Đúc và lao dầm T





Gói thầu: Thi công xây dựng cầu Bình Ca và 10m đường dẫn 2 đầu cầu

Dự án: Tiểu dự án 1, dự án đầu tư xây dựng cầu Bình Ca








UBND TỈNH TUYÊN QUANG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
LỄ KHÁNH THÀNH
CÔNG TRÌNH CẦU VÀ ĐƯỜNG DẪN CẦU BÌNH CA,
THUỘC ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH ĐỊA PHẬN TỈNH TUYÊN QUANG
Tuyên Quang, ngày 22 tháng 02 năm 2019




NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG QUÝ VỊ ĐẠI BIỂU VỀ DỰ
LỄ KHÁNH THÀNH
CÔNG TRÌNH CẦU VÀ ĐƯỜNG DẪN CẦU BÌNH CA, THUỘC ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH ĐỊA PHẬN TỈNH TUYÊN QUANG

Dự án: Xây dựng Cầu Phật Tích – Đại Đồng Thành, tỉnh Bắc Ninh

(Giai đoạn 1)





Thi công xây dựng công trình phần cầu chính, cầu dẫn bờ Phú Thọ (gồm 03 trụ chính) và phần đường dẫn bờ Phú Thọ

Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu Việt Trì - Ba Vì, nối Quốc lộ 32 với Quốc lộ 32C





Dự án: Đập ngăn mặn Sông Hiếu, Quảng Trị









Dự án: Cầu Hòa Bình 3 – Tp Hòa Bình








UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
LỄ HỢP LONG CẦU HÒA BÌNH 3
DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH ĐÔ THỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC - TP. HÒA BÌNH

4. HÌNH ẢNH MỘT SỐ MÁY MÓC VÀ TRANG THIẾT BỊ CHÍNH



Xe tải Ben HOWO 13-15T











Máy đào bánh xích KOMATSU PC650



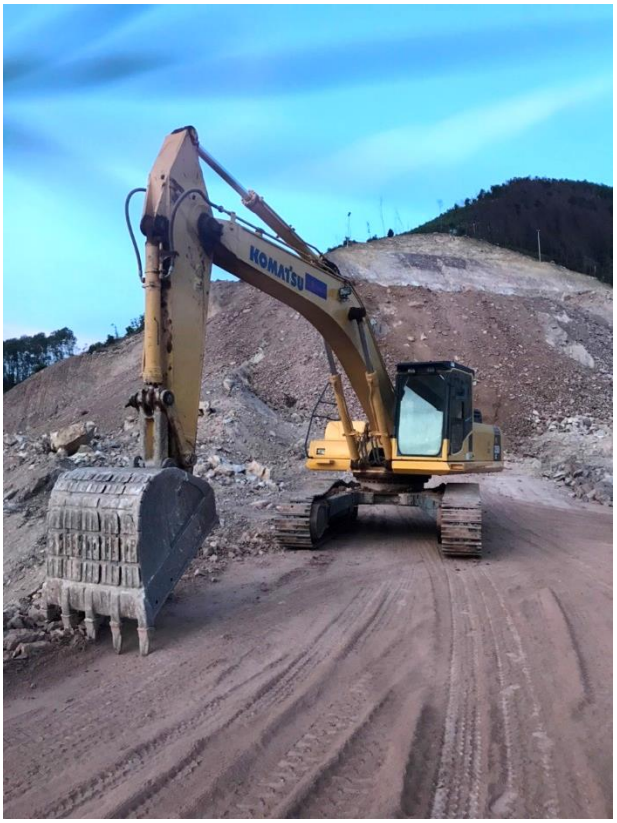


Máy đào bánh xích KOMATSU PC650





Máy đào bánh xích KOMATSU PC450







Máy đào bánh xích KOMATSU PC 450





Lu rung CAT



Máy san CAT




SAKAI


SAKAI
SAKAI
HAMM
HAMM
BOMAG
BOMAG





Xe lu rung Bomag BW213D-40



Máy ủi CAT





Cẩu bánh xích KOBELCO



Cọc ván thép



Cẩu sàn dầm



Thiết bị đúc dầm Super T






旋
株五勇組


KOBELCO


禁 止
SC1200


9.5T
9.8T
10.8T
10.5T
KOBELCO




9.5T
9.8T
10.8T
10.5T
KOBELCO